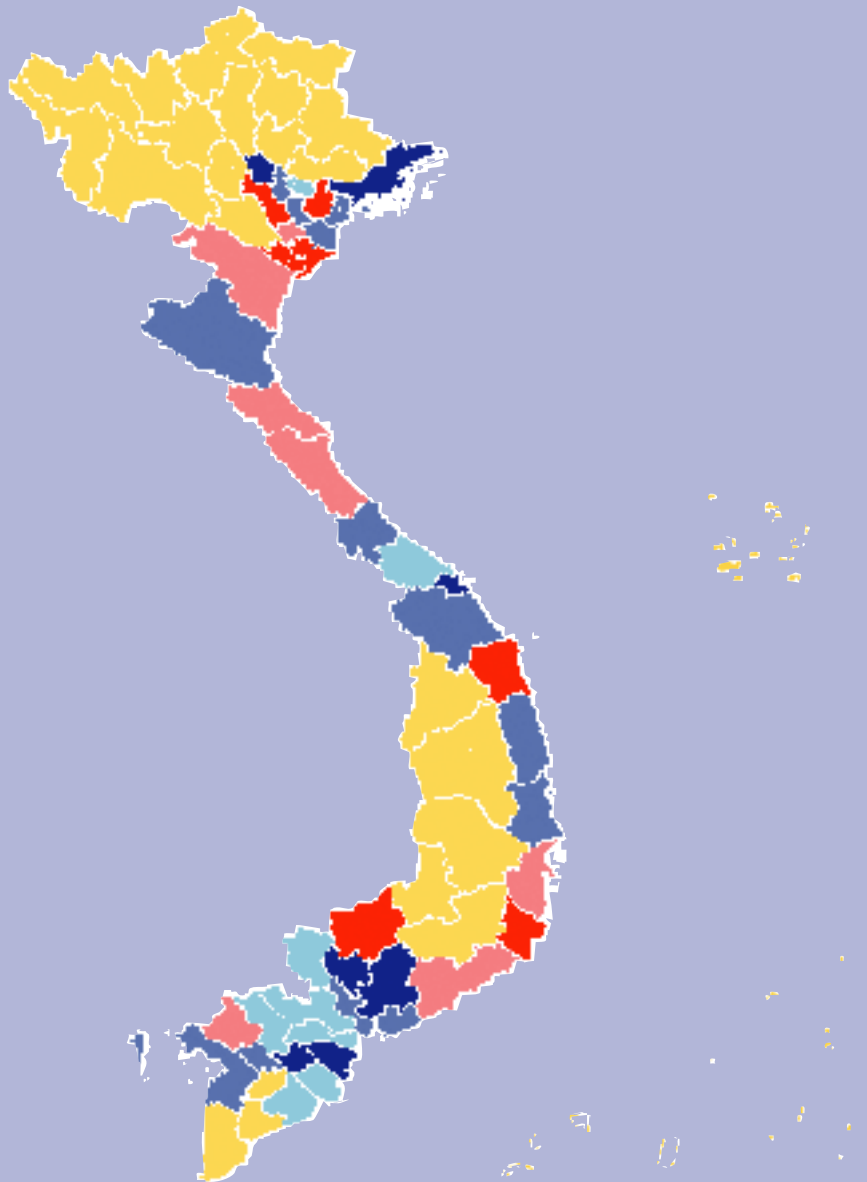


# CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH Ở VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÓM TẮT VÀ BÁO CÁO TÁC ĐỘNG**



Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh về môi trường  
kinh doanh ở Việt Nam (tên gọi tắt là PCI) dự định sẽ được thực hiện hàng năm.  
Chúng tôi rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự hợp tác của quý doanh nghiệp  
trong cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2006 và những năm tiếp theo.

# BÁO CÁO TÓM TẮT VỀ CHỈ SỐ PCI<sup>1</sup>

## Tóm tắt

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh về môi trường kinh doanh ở Việt Nam (*The Provincial Competitiveness Index*, viết tắt là PCI) là chỉ số nhằm đánh giá và xếp hạng các tỉnh, thành phố căn cứ vào chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân của tỉnh, thành phố đó. Năm 2005, PCI bao gồm 42 tỉnh, thành phố với tỷ trọng đóng góp khoảng 89% GDP của Việt Nam.

## Giới thiệu

Đối với các nước đang phát triển, khu vực kinh tế tư nhân giữ vai trò quan trọng đối với sự thịnh vượng của nền kinh tế. Các nước có môi trường pháp lý thuận lợi đều thành công trong việc khuyến khích đầu tư tư nhân, tăng trưởng kinh tế, tạo ra công ăn việc làm và xóa đói giảm nghèo.

Việt Nam chắc chắn không là ngoại lệ và xứng đáng được ngợi khen vì những nỗ lực của mình. Từ khi thi hành Luật Doanh nghiệp năm 2000, Việt Nam đã chứng kiến sự phát triển rất mạnh mẽ của khu vực tư nhân. Hơn 136.400 doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân được đăng ký chính thức kể từ năm 2000, tăng gấp sáu lần so với 9 năm trước khi Luật Doanh nghiệp ra đời.

Tuy nhiên, điều đáng quan tâm ở Việt Nam là sự thành công này mới chỉ tập trung ở một số ít tỉnh, thành phố. Mười một trong số sáu mươi tư tỉnh thành hiện chiếm tới hơn 60% sự gia tăng số lượng doanh nghiệp tư nhân và hơn 70% tổng mức đầu tư và doanh thu của khu vực tư nhân.<sup>2</sup>

Chỉ số PCI được thiết kế nhằm thể hiện những khác biệt của các tỉnh và thành phố về môi trường pháp lý và chính sách. Chỉ số này được xây dựng sau khi đã tính tới sự khác biệt về các điều kiện truyền thống như cơ sở hạ tầng và khoảng cách tới các thị trường lớn, tức là những yếu tố vốn có ảnh hưởng quan trọng tới sự phát triển của các tỉnh, thành phố. Bản báo cáo này sẽ cho thấy một môi trường chính sách và pháp lý tốt có thể cải thiện hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân ở mọi tỉnh, thành, bất kể các tỉnh thành đó có điều kiện truyền thống ban đầu thuận lợi hay bất lợi.

## Vai trò của điều kiện truyền thống

Những thuận lợi về cơ sở hạ tầng và điều kiện tự nhiên chắc chắn đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của khu vực tư nhân. Tuy nhiên, nếu quá tập trung vào những yếu tố này chúng ta sẽ dễ bị lệch hướng. Tỉnh Hà Tây ở Đồng bằng Sông Hồng và tỉnh Vĩnh Long ở Đồng bằng Sông Cửu Long đều có khoảng 700 doanh nghiệp đang chính thức hoạt động mặc dù so với Vĩnh Long, Hà Tây thuận lợi hơn nhiều vì chỉ cách trung tâm Hà Nội 30 phút đi xe và có điều kiện cơ sở hạ tầng giao thông tốt hơn rất nhiều. Hơn nữa, Hà Tây còn có lực lượng lao động có trình độ học vấn cao hơn.

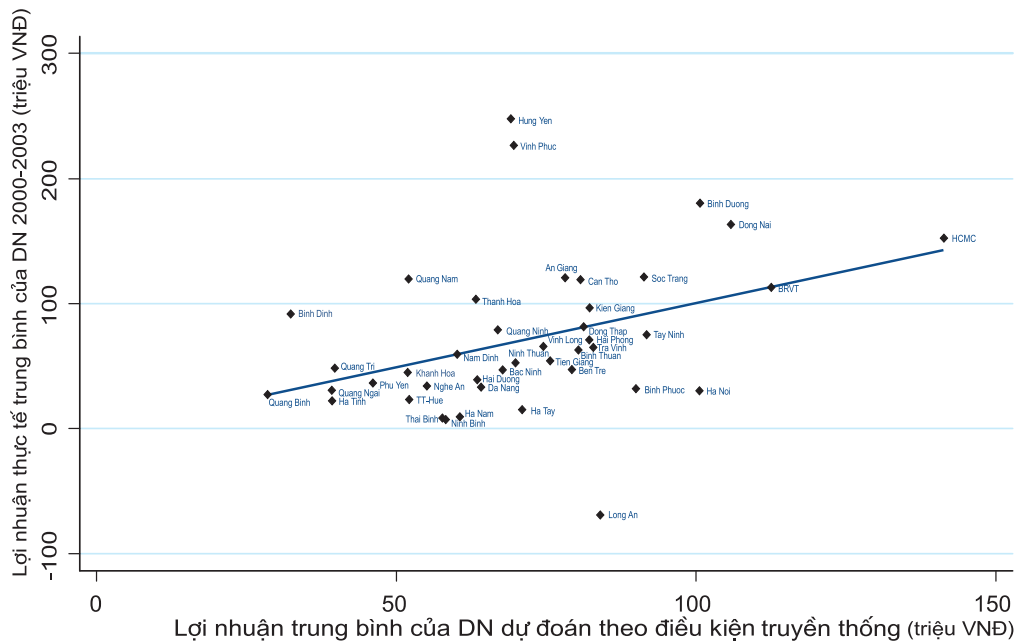
Trên thực tế, các điều kiện hạ tầng cơ sở không hoàn toàn có ảnh hưởng quyết định tới hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân. Trong Hình 1, trục X thể hiện lợi nhuận trung bình của mỗi doanh nghiệp được dự đoán dựa trên các điều kiện truyền thống (nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng và khoảng cách tới thị trường). Trục Y biểu thị lợi nhuận trung bình thực tế của mỗi doanh nghiệp (*đơn vị: triệu đồng*) theo số liệu của Tổng cục Thống kê. Các tỉnh (thể hiện bằng các điểm chấm) nằm ở khu vực trên đường kẻ là những tỉnh có kết quả phát triển vượt trên mức mà các điều kiện truyền thống của họ cho phép. Các tỉnh đáng lưu ý trong nhóm này là Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bình Dương, Đồng Nai, Quảng Nam và Bình Định. Các tỉnh ở khu vực dưới đường kẻ lại có kết quả hoạt động dưới mức mà điều kiện truyền thống của họ cho phép, đặc biệt là Hà Tây, Hà Nội, Bình Phước và Long An. Mục đích cuối cùng của PCI là nhằm giải thích những cách biệt này trong hoạt động của khu vực tư nhân mà những điều kiện truyền thống không thể lý giải hết.

Hơn nữa, đối với hầu hết các tỉnh kém phát triển và gặp khó khăn về vốn ở Việt Nam, những cải thiện về cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực giống như một mơ ước dài hạn hơn là một giải pháp trung hạn để có thể giúp giải đáp bài toán phát triển. Tập trung vào việc cải thiện môi trường pháp lý và chính sách nhằm thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân là một giải pháp khả thi hơn nhiều trong giai đoạn trước mắt và về lâu dài sẽ góp phần nâng cao hiệu quả các khoản đầu tư vào cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực.

<sup>1</sup> Dự án xây dựng chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh về môi trường kinh doanh ở Việt Nam (PCI) là kết quả hợp tác nghiên cứu giữa Dự án Năng lực Cạnh tranh Việt Nam (VNCI) và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). VNCI là dự án phát triển kinh tế do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ tài trợ. Dự án do Công ty Development Alternatives Inc. (DAI) điều hành. Quỹ Châu Á là nhà tài trợ chính của DAI chịu trách nhiệm thực hiện hợp phần nghiên cứu môi trường chính sách của Dự án, trong đó bao gồm việc thiết kế và xây dựng chỉ số PCI. Báo cáo tóm tắt này do Chuyên gia Tư vấn của VNCI, Tiến sỹ Edmund Malesky, soạn thảo. Ông cũng là trưởng nhóm nghiên cứu thiết kế và xây dựng chỉ số này.

<sup>2</sup> Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Quỹ Châu Á. *Điều hành Kinh tế cấp tỉnh ở Việt Nam, Các Yếu tố quyết định* (Hà Nội: 2005). Sau đây gọi tắt là TAF-VCCI, *Điều hành Kinh tế cấp Tỉnh*.

**Hình 1: Lợi nhuận trung bình ước tính của mỗi doanh nghiệp (2000-2003) dựa trên các điều kiện truyền thống**



**Phương pháp xây dựng chỉ số PCI**

Với cách đặt vấn đề như vậy, nhóm nghiên cứu của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Dự án Nâng cao Năng lực Cạnh tranh Việt Nam (VNCI) đã tập trung vào việc phân tích tác động của những khác biệt trong môi trường pháp lý, chính sách cấp tỉnh đối với sự tăng trưởng và giàu mạnh của khu vực tư nhân. Trong quá trình này, nhóm nghiên cứu đã dựa nhiều vào phương pháp và quy trình tính toán chỉ số điều hành kinh tế của VCCI và Quỹ Châu Á (TAF) năm 2003. Trên thực tế, phiếu điều tra mà nhóm nghiên cứu VCCI - VNCI thực hiện nhằm tổng hợp nhận xét của doanh nghiệp về môi trường pháp lý, chính sách của các tỉnh chỉ có một số thay đổi nhỏ so với phiếu điều tra ban đầu mà TAF-VCCI khởi xướng. Chỉ số PCI có sử dụng dữ liệu từ 14 tỉnh, thành trong dự án điều tra của TAF-VCCI.<sup>3</sup>

Việc tập trung vào môi trường pháp lý – chính sách phù hợp với quan niệm truyền thống về năng lực cạnh tranh có thể thấy ở rất nhiều tài liệu nghiên cứu kinh tế học. Một số nhà nghiên cứu khác như Michael Porter tập trung vào hoạt động và chiến lược của từng doanh nghiệp, trong đó có phát triển thương hiệu, sử dụng chuỗi giá trị, vận dụng phương pháp quản lý chuyên nghiệp và năng lực đổi mới.<sup>4</sup> Đúng là những yếu tố này có lẽ rất hữu ích để tìm hiểu và so sánh giữa các doanh nghiệp ở các quốc gia khác

nhau. Tuy nhiên, còn quá sớm để đánh giá những yếu tố này trong hầu hết các doanh nghiệp thuộc diện điều tra và do đó chưa thật phù hợp với trọng tâm nghiên cứu của nghiên cứu này. Tất nhiên, một số doanh nghiệp ở Hà Nội và TP.HCM có thể đã chú trọng tới những yếu tố trên, song phần lớn những doanh nghiệp được điều tra chưa hiểu biết nhiều về những quy trình này. Do vậy, nếu đem so sánh giữa các tỉnh, thành thì sự khác biệt về các yếu tố này là không đáng kể, trong khi sự khác biệt lớn nhất lại ở các chỉ số về môi trường kinh doanh và hệ thống pháp luật chính sách cấp tỉnh (các chỉ số này chiếm gần một phần ba trong chỉ số Năng lực cạnh tranh về kinh doanh và chỉ số Năng lực cạnh tranh về tăng trưởng của Diễn đàn Kinh tế Thế giới).

Từ những lý do trên, nhóm nghiên cứu tập trung vào những khác biệt có thể quan sát được trong môi trường kinh doanh ở Việt Nam. Các yếu tố về chiến lược, trình độ kinh doanh sẽ dành cho những nghiên cứu sau. Đặc biệt, nhóm nghiên cứu đã xây dựng chín chỉ số thành phần dựa theo các yếu tố đã được nhiều nhà nghiên cứu và nhà hoạt động thực tiễn ở Việt Nam nhấn mạnh từ trước tới nay. Những chỉ số thành phần này được mô tả chi tiết ở Phụ lục 1 và được tóm tắt như sau:

1) *Chi phí gia nhập thị trường*: chỉ số thành phần này đo lường thời gian một doanh nghiệp cần để đăng ký kinh doanh, xin cấp đất và nhận được mọi loại giấy

<sup>3</sup> TAF-VCCI, *Điều hành Kinh tế Cấp tỉnh*.

<sup>4</sup> Michael Porter. 2003. *Building the Microeconomic Foundations of Prosperity: Findings from the Business Competitiveness Index (Xây dựng nền tảng kinh tế vi mô cho sự thịnh vượng: Những phát hiện tìm thấy qua Chỉ số Năng lực cạnh tranh về kinh doanh)*. In trong *Global Competitiveness Report 2001 - 2002 (Báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu 2001-2002)*. New York: ấn phẩm của NXB Đại học Oxford cho Diễn đàn kinh tế thế giới.

phép, hoàn tất mọi thủ tục cần thiết để bắt đầu tiến hành hoạt động kinh doanh.

2) *Tiếp cận đất đai*: chỉ số thành phần này được tính toán căn cứ vào tình trạng doanh nghiệp có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không, có đủ mặt bằng để đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh hay không, mức giá đất hiệu lực tại các địa phương trong mối tương quan giữa nhu cầu và quỹ đất của địa phương và chất lượng các chính sách về khu công nghiệp (KCN).

3) *Tính minh bạch và tiếp cận thông tin*: chỉ số thành phần này đánh giá khả năng doanh nghiệp có thể tiếp cận được những kế hoạch của tỉnh và văn bản pháp lý cần thiết cho công việc điều hành kinh doanh của mình, sự bình đẳng trong tiếp cận thông tin của các tài liệu này, sự cập nhật thông tin về chính sách, quy định mới cho doanh nghiệp, tính tiên liệu của việc triển khai thực hiện những chính sách quy định đó và mức độ phổ biến của trang web tỉnh.

4) *Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của nhà nước*: chỉ số thành phần này đo lường thời gian mà các doanh nghiệp phải bỏ ra khi thực hiện các thủ tục hành chính, cũng như mức độ thường xuyên và thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan pháp luật của tỉnh thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

5) *Chi phí không chính thức*: chỉ số thành phần này đo lường mức chi phí không chính thức doanh nghiệp phải trả và những trở ngại do những chi phí này gây nên cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

6) *Thực hiện chính sách của Trung ương*: chỉ số thành phần này đo lường sự phối hợp giữa Trung ương và chính quyền địa phương, cũng như việc thực hiện thống nhất các chính sách Trung ương của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh.

7) *Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước (DNNN)*: chỉ số thành phần này đo lường mức độ ưu tiên của chính quyền tỉnh đối với các DNNN về các khoản ưu đãi, chính sách và việc tiếp cận nguồn vốn.

8) *Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh*: chỉ số thành phần này đo lường tính sáng tạo, sáng suốt của tỉnh trong quá trình thực thi chính sách Trung ương cũng như trong việc đưa ra những sáng kiến riêng nhằm phát triển khu vực kinh tế tư nhân.

9) *Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân*: chỉ số thành phần này dùng để đánh giá các chính sách của tỉnh dành để thúc đẩy hoạt động thương mại của khu vực tư nhân, cung cấp thông tin pháp luật cho doanh nghiệp, tìm kiếm đối tác kinh doanh và đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ lao động của tỉnh.

Có hai loại dữ liệu được sử dụng để xây dựng các chỉ số nêu trên. Loại thứ nhất là các thông tin về đánh giá của doanh nghiệp thông qua điều tra 15.400 doanh nghiệp của 42 tỉnh. Mặc dù tỷ lệ phản hồi khá thấp (13%) nhưng việc điều tra bằng hình thức gửi thư là phù hợp. Hình thức này đảm bảo cho doanh nghiệp cảm thấy thoải mái và khách quan khi trả lời những câu hỏi nhạy cảm về tính minh bạch và những chi phí không chính thức, mà không e ngại vì sự có mặt của cán bộ công quyền hay bị cán bộ công quyền biết mặt nếu sử dụng hình thức phỏng vấn doanh nghiệp.<sup>5</sup> Nhằm đảm bảo tính đại diện của mẫu điều tra từng tỉnh, mỗi tỉnh cần có tối thiểu 25 doanh nghiệp trả lời.<sup>6</sup>

Những thông tin này (hay còn gọi là dữ liệu mềm – soft data) được kết hợp với các số liệu có sẵn (dữ liệu cứng – hard data). Dữ liệu cứng được thu thập từ Niên giám thống kê, phỏng vấn các bên thứ ba như các ngân hàng thương mại quốc doanh và công ty bất động sản hay thu thập từ các hiệp hội doanh nghiệp. Mỗi chỉ tiêu được chuẩn hóa theo thang điểm từ 1-10, sau đó lấy điểm trung bình của tất cả các chỉ tiêu để tính toán chỉ số thành phần.<sup>7</sup> Hình 2 thể hiện cách kết hợp hai dạng số liệu nói trên để tính toán một chỉ số thành phần và Hình 3 thể hiện điểm của từng tỉnh theo chín chỉ số thành phần. Độ dài của mỗi đường gân trong hình thể hiện điểm của chỉ số thành phần theo thang điểm 10. Bình Dương được biểu thị bằng một hình tương đối tròn, thể hiện điểm số cao khá đồng đều của mỗi chỉ số thành phần. Hà Tây có điểm số thấp ở hầu hết các chỉ số. Những tỉnh khác như Bắc Ninh và An Giang có điểm chỉ số thành phần rất không đồng đều.

### Tính trọng số của các chỉ số thành phần

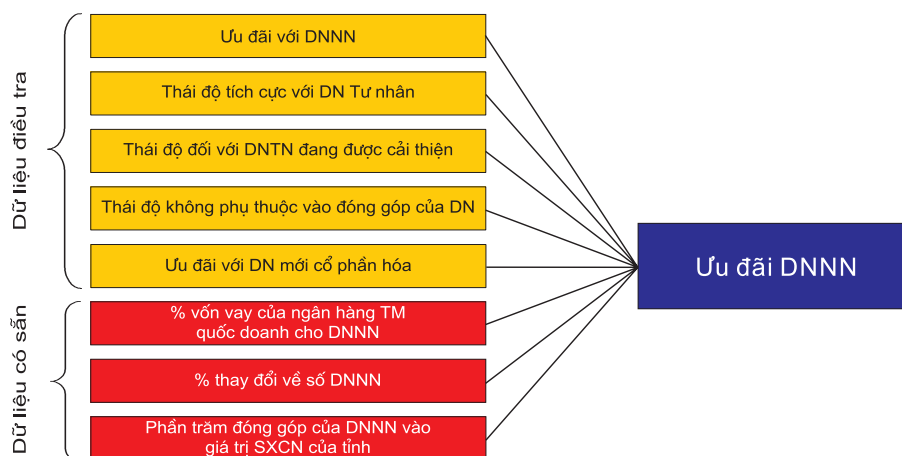
Sau khi xây dựng từng chỉ số thành phần, nhóm nghiên cứu tiến hành xây dựng chỉ số tổng hợp. Nhóm nghiên cứu không dùng phương pháp đơn giản là cộng điểm các chỉ số thành phần lại với nhau mà tính toán trọng số cho từng chỉ số thành phần. Lý do là vì trong chín chỉ số thành phần, có những chỉ số

<sup>5</sup> Gọi điện cho các doanh nghiệp không có phản hồi cho phép nhóm nghiên cứu kết luận độ chệch do tỷ lệ không trả lời là có tính chất hệ thống giữa các tỉnh. Những doanh nghiệp gửi phản hồi sau khi nhận được điện thoại nhắc nhở có xu hướng cho điểm cao hơn chút ít ở tất cả các tỉnh. Điều đó cho thấy tỷ lệ phản hồi thấp dẫn đến điểm số thấp hơn cho tất cả các tỉnh trong mẫu. Vì xu hướng này mang tính hệ thống nên ta vẫn có thể so sánh các tỉnh một cách công bằng.

<sup>6</sup> Hai tỉnh Bạc Liêu và Cà Mau bị loại khỏi danh sách xếp hạng do không đạt được số lượng doanh nghiệp phản hồi tối thiểu.

<sup>7</sup> Nếu điểm chỉ tiêu cao có nghĩa là chất lượng điều hành tốt thì sử dụng công thức:  $(9 * (\text{điểm của tỉnh} - \text{điểm nhỏ nhất của mẫu}) / (\text{điểm lớn nhất của mẫu} - \text{điểm nhỏ nhất của mẫu})) + 1$ . Nếu điểm chỉ tiêu cao có nghĩa là chất lượng điều hành không tốt thì lấy  $11 - \text{kết quả của công thức trên}$ :  $11 - (9 * ((\text{điểm của tỉnh} - \text{điểm nhỏ nhất của mẫu}) / (\text{điểm lớn nhất của mẫu} - \text{điểm nhỏ nhất của mẫu}))) + 1$ .

**Hình 2**  
**Ví dụ về cách thiết lập chỉ số thành phần thể hiện ưu đãi đối với các DNNN dựa trên**  
**nhận thức của doanh nghiệp và dữ liệu có sẵn**



có vai trò quan trọng hơn những chỉ số còn lại khi lý giải sự khác biệt về phát triển kinh tế giữa các tỉnh. Ví dụ, sau khi đã tính tới tác động của những điều kiện truyền thống, bằng phép phân tích hồi quy đa biến, cứ một điểm tăng lên đối với chỉ số Chi phí gia nhập thị trường sẽ làm tăng 15% vốn đầu tư bình quân đầu người ở khu vực tư nhân. Tương tự như vậy, nếu tăng một điểm của chỉ số Tiếp cận thông tin và tiếp cận thông tin sẽ làm tăng 10% vốn đầu tư bình quân đầu người của khu vực tư nhân. Ngược lại, một điểm tăng thêm cho chỉ số Tiếp cận đất đai và chỉ số Chi phí không chính thức chỉ lần lượt làm tăng 6% và 2% vốn đầu tư, trong khi tăng điểm của chỉ số Thực hiện chính sách của Trung ương hầu như ảnh hưởng không đáng kể tới mức đầu tư. Kết quả đó cho thấy yếu tố Chi phí gia nhập thị trường và Tính minh bạch và tiếp cận thông tin đóng vai trò quan trọng hơn những yếu tố khác trong việc tạo ra sự khác biệt giữa các tỉnh về quy mô đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân.

Nói như vậy không có nghĩa rằng các yếu tố Tiếp cận đất đai, Chi phí không chính thức và Việc thực hiện chính sách Trung ương là không quan trọng.

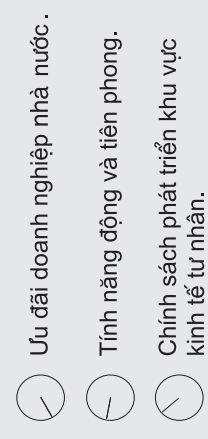
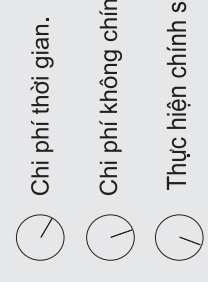
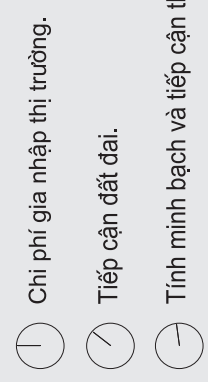
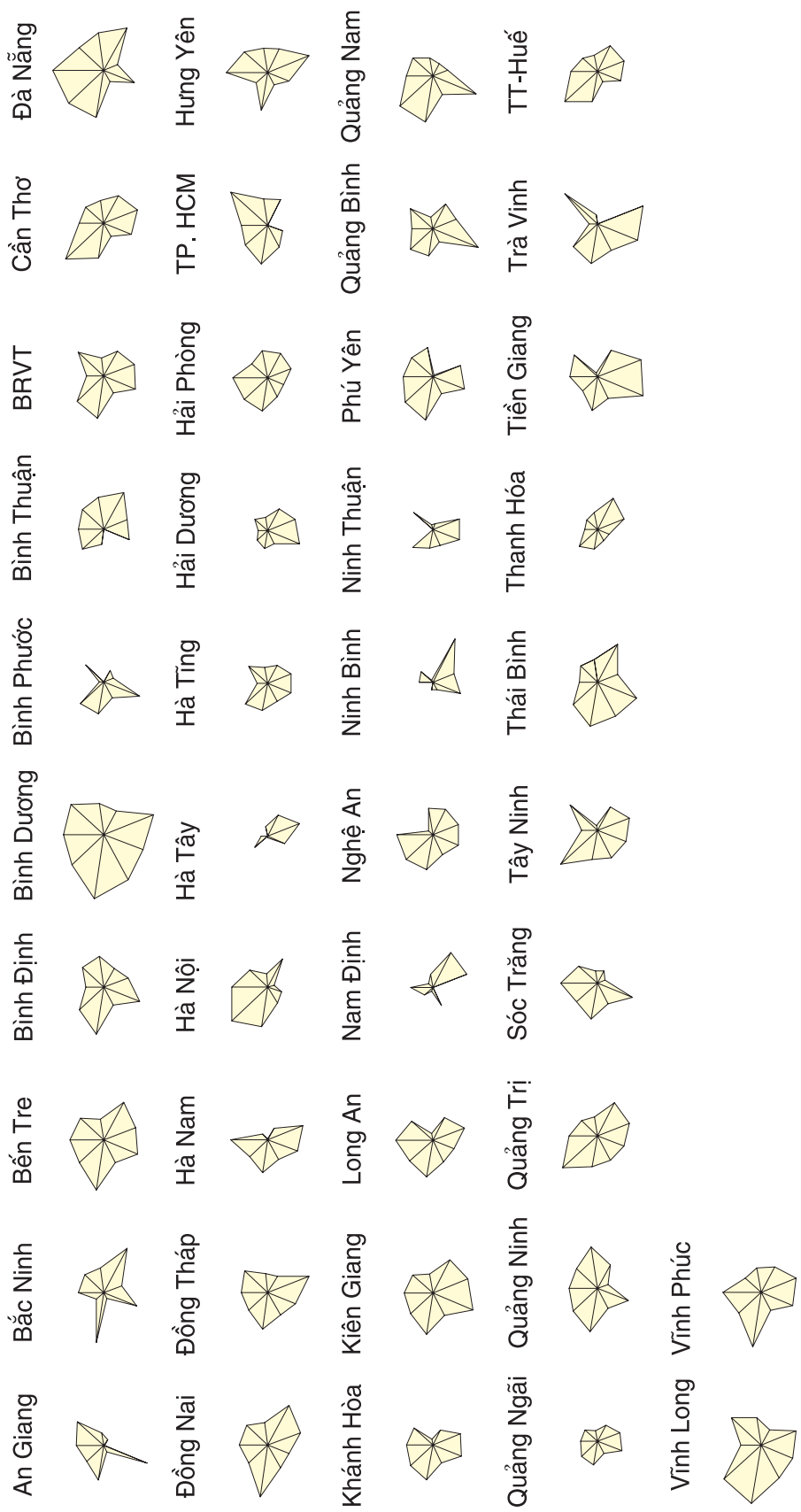
Chúng ta không thể phủ nhận việc cải thiện các quyền về tài sản, hạn chế tình trạng hối lộ quan chức địa phương và thực hiện Luật Doanh nghiệp sẽ góp phần thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển. Tất cả các yếu tố này chắc chắn đều có ích đối với sự nghiệp phát triển chung của Việt Nam. Chỉ đơn giản là chúng có vai trò ít quan trọng hơn trong việc lý giải khoảng cách về quy mô đầu tư tư nhân giữa các tỉnh. Có ba nguyên nhân giải thích điều này:

Nguyên nhân thứ nhất, các chỉ số thành phần không độc lập với nhau. Sự tương tác của chúng với nhau thực chất có tác động tới sự phát triển kinh tế của tỉnh. Chúng ta có thể thấy rõ điều này trong Bảng 1. Tác động của sự cải thiện điểm chỉ số thành phần về Chi phí không chính thức tùy thuộc vào việc tỉnh đó được đánh giá là có tính minh bạch cao hay thấp. Ở một tỉnh có tính minh bạch cao, nếu chỉ số Chi phí không chính thức tăng từ mức điểm dưới trung bình lên mức trên trung bình (không có vấn đề) thì sẽ làm tăng số doanh nghiệp tính trên 10.000 dân từ 5,92 lên 7,91. Ngược lại, tăng Chi phí không chính thức ở một tỉnh có tính minh bạch dưới mức trung bình thực tế lại làm giảm số doanh nghiệp từ 7,13 xuống 6,15.

**Bảng 1: Tác động qua lại giữa Tính minh bạch và Chi phí không chính thức<sup>8</sup>**  
*(Tác động đối với số lượng doanh nghiệp dự kiến tính trên 10.000 dân)*

	Chỉ số thành phần về <i>Tính minh bạch</i> và <i>tiếp cận thông tin</i> dưới trung bình	Chỉ số thành phần về <i>Tính minh bạch</i> và <i>tiếp cận thông tin</i> trên trung bình
Chỉ số thành phần về <i>Chi phí không chính thức</i> dưới trung bình	7,13 doanh nghiệp	5,92 doanh nghiệp
Chỉ số thành phần về <i>Chi phí không chính thức</i> trên trung bình	6,15 doanh nghiệp	7,91 doanh nghiệp

**Hình 3: Biểu đồ “hình sao” thể hiện hoạt động của tỉnh theo chỉ số thành phần**  
(Điểm tối đa = 10 đối với mỗi chỉ số thành phần)



Tác động không nhất quán khi giảm Chi phí không chính thức cho thấy ở những tỉnh thiếu minh bạch, có một loại doanh nghiệp nhất định vẫn có thể phát triển nhờ khả năng xoay sở, loại khả năng vốn rất cần khi hoạt động ở những thị trường mà việc thường xuyên phải chi trả chi phí không chính thức là hiện tượng phổ biến, tức là hoạt động trong môi trường trục lợi (rent-seeking). Những doanh nghiệp này thường có mối quan hệ thân cận với quan chức địa phương và biết rõ mình phải trả bao nhiêu tiền, trả cho ai. Họ có thể lợi dụng những mối quan hệ của mình để lấy thông tin về các dự án phát triển cơ sở hạ tầng mới, những loại thông tin mà chỉ người trong nội bộ biết được. Họ thường thắng thầu trong các dự án đấu thầu của chính quyền địa phương. Những doanh nghiệp như vậy thường không quan tâm đến trở ngại luật pháp vì họ tin rằng họ có thể hối lộ các quan chức. Ở những tỉnh kém minh bạch, các doanh nghiệp thuộc loại này phát triển rất mạnh. Đó là lý do vì sao các tỉnh này có số lượng doanh nghiệp tư nhân cao nhất khi chỉ số thành phần về Chi phí không chính thức kém nhất. Tăng tính minh bạch để công bằng cho mọi doanh nghiệp sẽ làm hạn chế sự kiểm soát của những doanh nghiệp chỉ biết "trục lợi" thành thạo, vì vậy, loại doanh nghiệp này sẽ khó có cơ hội phát triển. Ở môi trường minh bạch, việc cải thiện điểm chỉ số thành phần Chi phí không chính thức mang lại lợi ích trực tiếp cho đầu tư và thúc đẩy hoạt động kinh tế tư nhân. Theo quan điểm của các nhà hoạt động thực tiễn thì trước hết cần nỗ lực để tăng cường minh bạch, kế tiếp là giảm chi phí giao dịch cho doanh nghiệp. Về trọng số của từng chỉ số thành phần, tác động hỗn hợp của Chi phí không chính thức cho thấy yếu tố này cần có trọng số thấp hơn trong PCI.

Nguyên nhân thứ hai tại sao một vài chỉ số thành phần (như chỉ số Tiếp cận đất đai) lại có tác động ít hơn là vì điểm chỉ số đó gần như không khác nhau giữa các tỉnh. Ví dụ, độ lệch chuẩn của chỉ số thành phần Tính năng động, tiên phong của lãnh đạo tỉnh lớn gấp đôi độ lệch chuẩn của chỉ số thành phần Tiếp cận đất đai. Điều này nói lên vướng mắc về đất đai là vấn đề phổ biến trên khắp cả nước, chỉ có rất ít tỉnh giải quyết tốt vấn đề này. Rất có thể vấn đề nằm ở chính sách chung của Trung ương nên các chính sách riêng lẻ của từng tỉnh chỉ đem lại tác động hãn hũ. Mặt khác, sự chênh lệch lớn về điểm chỉ số thành phần Tính năng động, tiên phong giữa các tỉnh cho thấy có một số tỉnh rất xuất sắc trên phương diện này, họ bỏ xa các tỉnh khác phía sau. Ở những chỉ số có điểm số khác biệt nhau nhiều giữa tỉnh này với tỉnh khác thì việc một tỉnh vốn kém về chỉ số đó cải thiện được điểm số sẽ mang lại lợi ích đáng kể cho tỉnh đó.

Nguyên nhân thứ ba là nhiều khi, phần lớn tác động của một số chỉ số thành phần có thể đã được bao hàm trong tác động của các chỉ số thành phần khác. Ví dụ rõ nhất là trường hợp chỉ số thành phần Thực hiện chính sách của Trung ương. Chỉ số này đo lường đánh giá của doanh nghiệp về việc thực hiện chính sách Trung ương ở cấp tỉnh và sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước cấp tỉnh. Rất có thể phần lớn ảnh hưởng của chỉ số này đã được thể hiện trong chỉ số thành phần Chi phí gia nhập thị trường (phản ánh tình hình thực hiện Luật Doanh nghiệp 2000), Tiếp cận đất đai (phản ánh tình hình thực hiện Luật Đất đai) và Chi phí thời gian (thể hiện tình hình thực hiện Nghị định về Thanh tra, kiểm tra). Vì đây cũng là những quy định, chính sách quan trọng vào loại bậc nhất trong các chính sách của Trung ương nên việc thực hiện các chính sách khác có thể không giúp lý giải được nhiều sự khác biệt về kết quả phát triển kinh tế giữa các tỉnh.

Để xác định tầm quan trọng tương đối của từng chỉ số thành phần, nhóm nghiên cứu đã phân tích tác động của từng chỉ số tới một số chỉ tiêu phát triển của khu vực kinh tế tư nhân, sau khi loại trừ tác động của các điều kiện truyền thống như chất lượng nguồn nhân lực, điều kiện cơ sở hạ tầng và khoảng cách địa lý tới thị trường lớn. Các chỉ tiêu được sử dụng để đánh giá tác động là những chỉ tiêu mà nhiều nhà nghiên cứu, nhà hoạt động thực tiễn ở Việt Nam nhận định là có vai trò hết sức quan trọng cho sự phát triển kinh tế tư nhân. Có ba chỉ tiêu được lựa chọn:<sup>9</sup>

- *Tỷ lệ số doanh nghiệp tư nhân (bao gồm doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty TNHH và công ty cổ phần) đang hoạt động trên số dân của tỉnh.* Số doanh nghiệp đang hoạt động là số doanh nghiệp đã hoàn thành mọi thủ tục đăng ký kinh doanh và vẫn tiếp tục sản xuất kinh doanh, chứ không chỉ dừng ở giai đoạn đầu gia nhập thị trường. Nhóm nghiên cứu lấy tổng số doanh nghiệp hoạt động trong năm 2003 chia cho số dân (đơn vị tính: nghìn người) của từng tỉnh để loại bỏ ảnh hưởng có thể có do việc tỉnh nào đông dân hơn thì có thể có nhiều doanh nghiệp hơn. Tỷ lệ này thấp nhất là 0,19/1.000 người ở tỉnh Thanh Hóa và cao nhất là 3,4/1.000 người ở Hà Nội. Tỷ lệ trung bình của cả nước là 0,67.
- *Vốn đầu tư dài hạn của khu vực tư nhân tính bình quân đầu người (2000-2003) được nhóm nghiên cứu chọn dùng để thể hiện mức độ rủi ro mà doanh nghiệp chấp nhận.* Giả định của nhóm nghiên cứu là chủ doanh nghiệp hay chủ đầu tư sẽ đầu tư nhiều hơn ở đâu có môi trường chính sách hấp dẫn hơn vì ở đó họ có thể tính toán xác

<sup>8</sup> Đây là kết quả thu được từ phép hồi quy đa biến với giả thiết cố định các điều kiện truyền thống.

<sup>9</sup> Các biến số đo lường kết quả phát triển kinh tế tư nhân được tính dựa trên số liệu Tổng điều tra doanh nghiệp 2000 - 2003 của Tổng cục Thống kê.



thực hơn về chi phí và lợi ích tiềm năng dài hạn đối với các dự án đầu tư của họ. Doanh nghiệp sẽ không dám đầu tư nhiều ở địa phương mà tài sản của họ ít được đảm bảo, tham nhũng hoành hành hay tồn tại nhiều rào cản “vô hình” hạn chế hoạt động của họ. Sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các điều kiện truyền thống như cơ sở hạ tầng và khoảng cách tới thị trường trong phép hồi quy đa biến, nhóm nghiên cứu có thể tính toán mức độ rủi ro mà doanh nghiệp sẵn sàng chấp nhận tùy thuộc vào mức độ tin tưởng của họ đối với môi trường thể chế. Vốn đầu tư tư nhân bình quân đầu người khác nhau rất nhiều giữa các tỉnh, thấp nhất là ở tỉnh Hà Tĩnh với 102.000 VNĐ, cao nhất là ở tỉnh Bình Dương với 5,1 triệu VNĐ. Do tỷ lệ này khác nhau quá lớn giữa các tỉnh nên nhóm nghiên cứu sử dụng giá trị logarit tự nhiên của giá trị này để nghiên cứu và phân tích.

- Lợi nhuận bình quân (triệu đồng) trên một doanh nghiệp (2000-2003) được nhóm nghiên cứu chọn dùng để thể hiện mức độ thành công của doanh nghiệp kể từ khi Luật Doanh nghiệp ra đời. Lợi nhuận của doanh nghiệp trong một thời kỳ là một tín hiệu dự báo tốt về tiềm năng đầu tư ở thời kỳ sau đó. Các tỉnh có điểm PCI cao thường có thể xây dựng một môi trường mà ở đó tinh thần kinh doanh được cổ vũ và đền đáp bằng kết quả kinh doanh có lãi nhiều hơn là bằng những ưu đãi của nhà nước. Lợi nhuận bình quân có giá trị trung bình là 71 triệu VNĐ và dao động từ lỗ âm 67 triệu VNĐ ở tỉnh Long An cho đến lãi trên 200 triệu VNĐ ở tỉnh Hưng Yên và tỉnh Vĩnh Phúc.

Bằng các phương pháp phân tích thống kê, nhóm nghiên cứu tính toán được mức độ ảnh hưởng của

mỗi chỉ số thành phần (trọng số) đối với ba chỉ tiêu trên.<sup>10,11</sup> Kết quả xác định trọng số được trình bày tại Bảng 2. Qua bảng này, chúng ta thấy chỉ số Chi phí gia nhập thị trường, Tính năng động tiên phong và Tính minh bạch và tiếp cận thông tin là những chỉ số thành phần quan trọng nhất, kế tiếp là Ưu đãi đối với DNNN và Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân.

### Phân tích về việc xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

Sau khi các chỉ số thành phần được tính trọng số thể hiện mức độ quan trọng tương đối và được chuẩn hoá về thang điểm 100, nhóm nghiên cứu tiến hành xây dựng chỉ số năng lực cạnh tranh tổng hợp cấp tỉnh – chỉ số PCI (Hình 4). Chúng tôi cũng đã thể hiện kết quả phân nhóm tỉnh bằng các màu khác nhau trên bản đồ địa lý của Việt Nam (Hình 5). Với điểm số 76,82, Bình Dương là tỉnh có điểm số cao nhất trong mẫu. Tỉnh Hà Tây có môi trường kinh doanh kém cạnh tranh nhất với số điểm 38,81. Quan trọng hơn, kết quả này cho phép hình thành 5 nhóm tỉnh với khoảng cách giữa các nhóm là từ 2/3 điểm trở lên. Thành viên của những nhóm này khá ổn định vì rất khó để một tỉnh có thể nhảy từ nhóm này lên nhóm phía trên do khoảng cách giữa các nhóm là khá lớn.

Nhóm thứ nhất (Nhóm xếp loại “Tốt”) bao gồm những tỉnh có kết quả tốt ở hầu hết các chỉ số thành phần, đặc biệt tốt ở những chỉ số quan trọng nhất, tỉnh đứng đầu là Bình Dương.

Nhóm thứ hai (Nhóm xếp loại “Khá”) bao gồm những

**Bảng 2: Trọng số của các chỉ số thành phần**

Chỉ số thành phần	Trọng số
Chi phí gia nhập thị trường	17,1%
Tính năng động và tiên phong	16,8%
Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	16,1%
Ưu đãi DNNN	13,1%
Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân	11,1%
Tiếp cận đất đai	9,6%
Chi phí thời gian	8,4%
Chi phí không chính thức	7,6%
Thực hiện chính sách của Trung ương	0,2%
<b>Cộng</b>	<b>100,0%</b>

<sup>10</sup> Phương pháp này tương tự như phương pháp mà các tác giả của Chỉ số Năng lực cạnh tranh về tăng trưởng đã sử dụng. Xem McArthur, J. W. và Jeffrey Sachs. 2002. *The Growth Competitiveness Index: Measuring Technological Advancement at the Stages of Development (Chỉ số Năng lực cạnh tranh về tăng trưởng: Đo lường sự phát triển công nghệ ở từng giai đoạn phát triển)*. In trong cuốn *Global Competitiveness Report 2001 – 2002 (Báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu 2001-2002)*. New York: ấn phẩm của NXB Đại học Oxford cho Diễn đàn Kinh tế Thế giới.

<sup>11</sup> Do có sự tương quan lớn giữa các chỉ số thành phần của PCI, nhóm nghiên cứu không thể tiến hành hồi quy riêng rẽ đối với từng chỉ số. Thay vào đó nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nhân tố để tạo ra ba biến số không có tương quan với nhau (Thái độ, Tiết kiệm thời gian và Hạn chế trục lợi). Các hệ số gắn bó nhân tố của các biến số mới này được sử dụng để tính toán ảnh hưởng riêng rẽ của từng chỉ số thành phần.

tỉnh có điểm số trên điểm số trung vị, tức là trên 58,65. Một số tỉnh trong nhóm này thực hiện rất tốt ở nhiều chỉ số thành phần, nhưng có kết quả nghèo nàn ở một hoặc hai chỉ số thành phần khác. Chẳng hạn, Hà Nội và TP.HCM đứng trong nhóm này vì những kết quả nghèo nàn trong chỉ số về Tính minh bạch và tiếp cận thông tin và Chi phí phi chính thức. Hưng Yên sẽ có mặt trong nhóm đứng đầu nếu không có những kết quả nghèo nàn thể hiện tại chỉ số về Chính sách phát triển kinh tế tư nhân. Những tỉnh khác như Bình Định hay Bà Rịa – Vũng Tàu đứng cuối nhóm này do có kết quả tốt nhưng không xuất sắc trong tất cả các chỉ số.

Nhóm thứ ba (Nhóm xếp loại “Trung bình”) bao gồm những tỉnh có kết quả khá nghèo nàn ở một số lĩnh vực, như tỉnh Long An với điểm số của chỉ số về Tính minh bạch và tiếp cận thông tin và chỉ số về Chính sách phát triển kinh tế tư nhân thấp. Các tỉnh khác trong nhóm này, như tỉnh Bắc Ninh, có kết quả khá ở hầu như tất cả các chỉ số thành phần, nhưng những chỉ số có trọng số cao thì điểm số lại không cao.

Nhóm thứ tư (Nhóm xếp loại “Tương đối Thấp”) gồm bảy tỉnh mà việc phát triển khu vực kinh tế tư nhân gặp nhiều trở ngại nghiêm trọng ở một số lĩnh vực chủ chốt. Tuy nhiên, nhiều tỉnh thuộc nhóm này cũng đạt được thành công ở một số chỉ số thành phần. An Giang là một ví dụ, có điểm số rất cao ở chỉ số Tiếp cận đất đai và chỉ số Thực hiện chính sách của Trung ương.

Nhóm cuối cùng (Nhóm xếp loại “Thấp”) là những tỉnh mà doanh nghiệp tư nhân không hài lòng. Điều đó được minh chứng qua những câu trả lời của doanh nghiệp trong phiếu điều tra và những kết quả khá nghèo nàn trong những chỉ tiêu thể hiện kết quả hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân. Những tỉnh này có điểm rất thấp trong tất cả các chỉ số thành phần. Những tỉnh này có mặt ở cả các miền Bắc, Trung, Nam, song bốn trong bảy tỉnh này tập trung ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

Đối với chính sách cải thiện sự thịnh vượng của quốc gia, PCI cũng cung cấp những chỉ dẫn hữu ích. Mặc dù việc cải thiện các điều kiện truyền thống như mở đường mới hoặc nâng cao học vấn luôn có tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế tỉnh nhưng tác động của nó phần lớn chỉ được nhận thấy ở những tỉnh có năng lực cạnh tranh trên mức trung bình. Điều này được minh họa trong Hình 6: đường đồ thị dốc cao hơn biểu thị cho các tỉnh đạt điểm PCI cao. Trục nằm ngang thể hiện GDP trên đầu người theo phương pháp ngang giá sức mua được tính bằng cách chia GDP trên đầu người cho giá trung bình một bát phở bán trên trục đường chính dẫn tới trung tâm của tỉnh.<sup>12</sup>

Tại các tỉnh có mức cạnh tranh thấp, những cải thiện về điều kiện truyền thống chỉ có tác động không đáng kể đối với sự thịnh vượng. Tại mọi cấp độ của điều kiện truyền thống, các tỉnh có năng lực cạnh tranh cao có mức độ phát triển tốt hơn so với các tỉnh năng lực cạnh tranh thấp. Hơn nữa, bất kỳ một cải thiện nào về điều kiện truyền thống cũng có tác động theo hệ số nhân cao hơn ở các tỉnh đạt điểm PCI cao. Đây là minh chứng rõ ràng rằng kế hoạch phát triển cần tập trung vào việc cải thiện môi trường kinh doanh hơn là các chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng trên diện rộng. Các tỉnh thành công sẽ có thể nâng cao điều kiện truyền thống của địa phương dựa vào việc sử dụng nguồn thu dài hạn từ sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân.

## Kết luận

Chỉ số PCI là một cơ sở hữu ích để lãnh đạo các tỉnh có thể nhận diện rõ hơn điểm mạnh và điểm yếu của tỉnh mình. Các tỉnh có thể cải thiện kết quả hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân và phát triển kinh tế thông qua những sáng kiến nhằm cải thiện điểm số ở những chỉ số thành phần kém nhất. Những cải cách nhằm gỡ bỏ rào cản gia nhập thị trường, tăng cường tính minh bạch và khuyến khích các cấp lãnh đạo chính quyền năng động, linh hoạt đáp ứng được nhu cầu của nhà đầu tư sẽ đặc biệt có ý nghĩa. Tuy nhiên, chính quyền các tỉnh cần lưu ý rằng những cách giải quyết tồn tại chóng vánh nhưng không phản ánh sự biến chuyển về cách nhìn nhận đối với khu vực kinh tế tư nhân sẽ không thể mang đến kết quả tốt đẹp về gia tăng đầu tư, tạo thêm việc làm cũng như đánh giá tích cực từ cộng đồng doanh nghiệp.

PCI có thể dùng làm một công cụ chính sách phục vụ cho công tác rà soát chẩn đoán hoạt động điều hành kinh tế của từng tỉnh (hoặc từng nhóm tỉnh). Cách sử dụng cụ thể như sau: bước đầu tiên, các tỉnh sẽ căn cứ vào từng chỉ số thành phần để xem ở chỉ số nào tỉnh mình đạt điểm số thấp nhất, đặc biệt là đối với những chỉ số có trọng số về mức độ quan trọng cao. Bước tiếp theo, các tỉnh sẽ rà soát các chỉ tiêu đánh giá trong từng chỉ số này để xem ở chỉ tiêu nào tỉnh mình yếu nhất. Bước cuối cùng, các tỉnh sẽ đưa ra và triển khai các biện pháp thực hiện nhằm khắc phục những mặt còn yếu đó. Để minh họa cách sử dụng PCI vừa nêu này, chúng tôi xin lấy một tỉnh đồng bằng sông Hồng là tỉnh Hải Dương để làm ví dụ.

Mặc dù Hải Dương là tỉnh có điều kiện truyền thống rất thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân cũng như là tỉnh đạt điểm số cao ở nhiều chỉ số thành phần

<sup>12</sup> Vì phở không phải là mặt hàng trao đổi dễ dàng nên giá bán phở thường cao hơn ở những khu vực có giá đất, chi phí thuê mặt bằng, chi phí xây dựng, giá cả tiêu dùng, chi phí nhân công và chi phí nguyên liệu cao hơn. Vì vậy, đem chia GDP bình quân đầu người cho giá một bát phở sẽ cho chúng ta thước đo hợp lý hơn về giá trị của đồng tiền Việt nam (VNĐ) ở mỗi tỉnh, từ đó đánh giá được mức sống ở các tỉnh.

nhưng Hải Dương lại đạt điểm yếu ở riêng ba chỉ số được xem là tối quan trọng đối với sự phát triển khu vực kinh tế tư nhân, đó là Chi phí gia nhập thị trường, Tính minh bạch và Tính năng động của chính quyền tỉnh. Vì vậy, xét kết quả chung, tỉnh Hải Dương vẫn bị rơi vào nhóm các tỉnh xếp loại Thấp mặc dù nhiều tin bài trên các phương tiện thông tin đại chúng có nhận xét ngược lại và mặc dù Hải Dương đang thu hút thành công vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Để nâng cao đáng kể tổng thể vị thế cạnh tranh của các doanh nghiệp của tỉnh, Hải Dương có thể tìm cách rút ngắn hơn nữa thời gian doanh nghiệp phải chờ đợi từ khi đăng ký kinh doanh đến khi có đủ mọi giấy tờ và con dấu cần thiết để thực sự đưa doanh nghiệp đi vào hoạt động. Thời gian đăng ký thành lập doanh nghiệp ở Hải Dương không dài hơn là bao so với các tỉnh khác nhưng các doanh nghiệp thường bị tắc lại lâu ở giai đoạn kế tiếp (hậu đăng ký), khiến họ chưa thể đi vào hoạt động ngay.

Các doanh nghiệp ở Hải Dương cũng sẽ gặp nhiều thuận lợi hơn nếu tỉnh minh bạch hơn, đặc biệt trong vấn đề cập nhật thông tin về những thay đổi của quy định pháp luật và quyết định của tỉnh. Ở Hải Dương, nếu thông tin có thể cung cấp được thì đến gần 90% doanh nghiệp qua điều tra cho biết họ cần có mối quan hệ quen biết với giới chức địa phương thì mới có thể lấy được thông tin đó. Sự phản ánh này cho thấy môi trường kinh doanh như vậy là rất khó tiên liệu, các doanh nghiệp không có mối quan hệ quen biết đủ gần với giới chức địa phương sẽ khó có thể tính toán xác đáng mức độ rủi ro đầu tư dài hạn của mình, làm ảnh hưởng không tốt tới doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp đó.

Cuối cùng, trong trường hợp luật của trung ương chưa đủ để dẫn đường cho hoạt động của doanh nghiệp thì chính quyền của tỉnh Hải Dương cũng cần chủ động hơn nữa để tìm cách tháo gỡ khúc mắc khó khăn cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp tỏ ra không hài lòng nhất về các biện pháp, chính sách phát triển kinh tế tư nhân của tỉnh, họ cho biết tỉnh còn thiếu sự sáng tạo trong triển khai chính sách và luật pháp ở cấp trung ương vào tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Cụ thể là khoảng 42% doanh nghiệp trả lời rằng họ chưa thấy chính quyền tỉnh có sáng kiến gì đáng kể, chính sách phát triển doanh nghiệp chỉ là từ trung ương mà thôi.

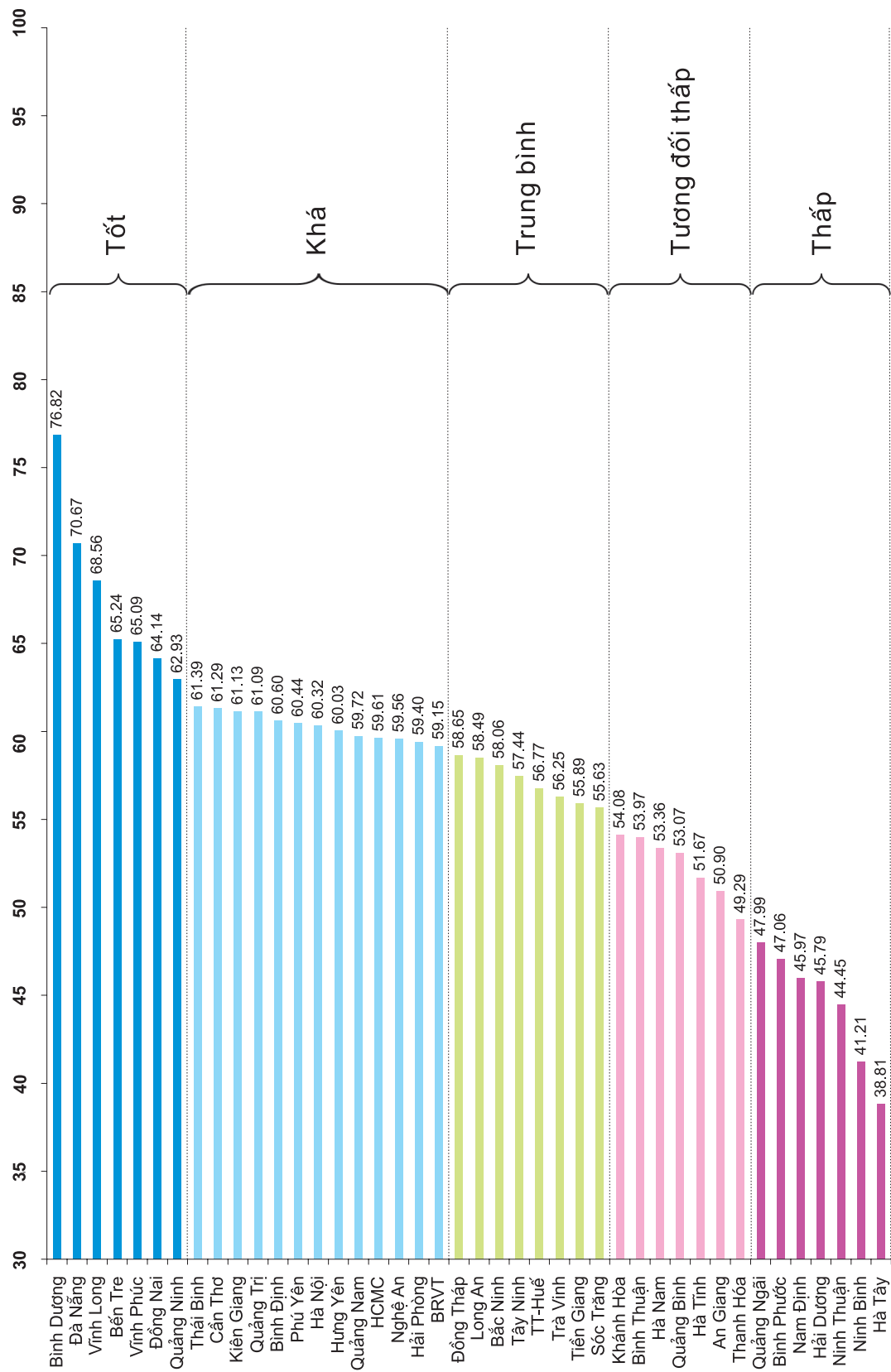
Tuy nhiên, không phải chỉ những tỉnh xếp loại Thấp mới cần thực hiện rà soát chẩn đoán như vậy. Dù ở nhóm hạng nào, mỗi tỉnh đều có những chỗ yếu trong môi trường chính sách đòi hỏi phải có sự sáng tạo và quyết tâm khắc phục. Thậm chí những tỉnh đạt điểm số vào loại cao nhất cũng còn nhiều việc phải làm. Chẳng hạn như chính sách cho vay còn thiên về khu vực doanh nghiệp nhà nước ở Đà Nẵng đã kéo thứ hạng của Đà Nẵng xuống thấp hơn hạng trung bình ở chỉ số Ưu đãi DNNN. Tỉnh Vĩnh Long vẫn có điểm số thấp nhất về chỉ tiêu lượng thời gian

mà doanh nghiệp của tỉnh phải dành để làm việc tiếp xúc với cơ quan công quyền. Còn ở tỉnh Quảng Ninh, chi phí không chính thức vẫn là vấn đề đáng ngại, đặc biệt đối với các doanh nghiệp trong khu vực dịch vụ.

Nhóm nghiên cứu hy vọng rằng PCI không chỉ có ích đối với các cán bộ chính quyền mà những nhà đầu tư cũng có thể dùng PCI để tìm kiếm địa bàn đầu tư dự án của mình hoặc để mở rộng hoạt động đầu tư hiện tại thông qua việc phân tích kỹ lưỡng những chỉ số thành phần mà họ thấy là quan trọng nhất đối với nhu cầu của họ. Ví dụ, những nhà đầu tư muốn xuất khẩu sẽ thấy thuận lợi hơn ở những tỉnh có chỉ số minh bạch cao, chi phí do thời gian chờ đợi để có thông tin thấp, nhờ đó giúp giữ cho chi phí giao dịch của họ đủ thấp để cạnh tranh được về mặt giá cả trên thị trường quốc tế. Các doanh nghiệp này cũng rất đề cao vai trò của tính năng động tiên phong của lãnh đạo tỉnh vì hệ thống luật pháp của Việt Nam còn đang trong quá trình điều chỉnh để phù hợp với chuẩn mực quốc tế và các luật mới ra đời của Việt Nam hẳn vẫn còn những điểm mâu thuẫn với hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành chưa đổi mới kịp thời. Vì vậy, có được người lãnh đạo tỉnh có thể giúp các doanh nghiệp vượt qua những khó khăn về môi trường pháp lý phức tạp này một cách nhanh chóng và hợp pháp là điều vô cùng quý báu và PCI chính là một nguồn tham khảo để các doanh nghiệp tìm hiểu về điều này.



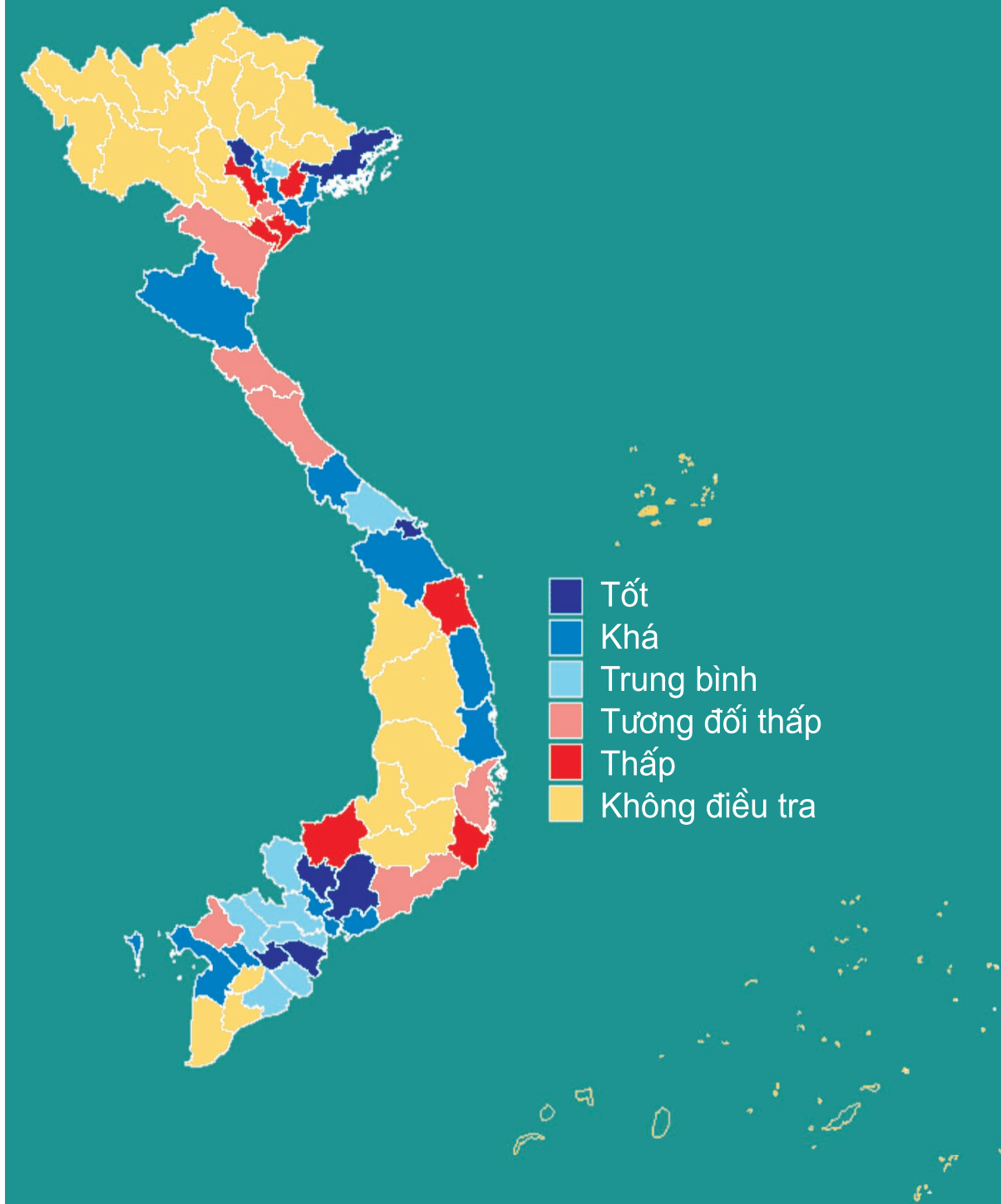
**Hình 5: CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH  
VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH Ở VIỆT NAM**



Điểm năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tính theo trọng số

Tính

**Hình 6: Bản đồ Việt Nam  
Xếp loại tỉnh theo chỉ số PCI**



**Phụ lục 1: Mô tả chi tiết các chỉ số thành phần và các chỉ tiêu**

<p><b>1 Chi phí gia nhập thị trường</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• % doanh nghiệp phải mất hơn 1 tháng để khởi sự kinh doanh</li> <li>• % doanh nghiệp phải mất hơn 3 tháng để khởi sự kinh doanh</li> <li>• Thời gian chờ đợi để được cấp đất (điều chỉnh theo các điều kiện cung cầu)*</li> <li>• Tình hình đăng ký kinh doanh sau khi có Luật Doanh nghiệp (lượng vốn đăng ký), điều chỉnh theo quy mô dân số và mức GDP**</li> </ul>	<p><b>6 Thực hiện chính sách của Trung ương</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đánh giá của doanh nghiệp về sự phối hợp giữa Trung ương và chính quyền địa phương</li> <li>• Có những sáng kiến tốt ở Trung ương nhưng tỉnh không thực hiện hoặc thực hiện thất bại yếu</li> <li>• Nhận thức đối với việc thực hiện các chính sách và kế hoạch của tỉnh</li> </ul>
<p><b>2 Tiếp cận đất đai</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• % doanh nghiệp thuê lại đất của DNNN</li> <li>• Đánh giá của doanh nghiệp về nỗ lực của chính quyền tỉnh trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp</li> <li>• % doanh nghiệp có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</li> <li>• Khả năng mở rộng kinh doanh nếu dễ có mặt bằng kinh doanh thuận lợi hơn</li> <li>• Giá đất thực chất (điều chỉnh theo các điều kiện cung cầu)**</li> <li>• Chất lượng chính sách các KCN của tỉnh (bao gồm tỷ lệ lấp kín các KCN, đánh giá của doanh nghiệp về nỗ lực của BQL KCN tỉnh và số lượng các KCN dự kiến)*</li> </ul>	<p><b>7 Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chính quyền tỉnh ưu đãi hơn đối với DNNN</li> <li>• Tính ưu đãi các DN cổ phần hơn</li> <li>• Thái độ của tỉnh đối với DNTN</li> <li>• Thái độ đối với DNTN đang được cải thiện</li> <li>• Những đóng góp về tài chính ảnh hưởng đến thái độ đối với DNTN</li> <li>• Đánh giá của doanh nghiệp đối với nỗ lực thực hiện cổ phần hoá của tỉnh</li> <li>• Phần vốn vay trung bình dành cho khu vực kinh tế nhà nước**</li> <li>• % thay đổi về số lượng các DNNN (1997 - 2003)**</li> <li>• Quy mô trung bình của DNNN trong tỉnh (% GDP)**</li> </ul>
<p><b>3 Tính minh bạch và tiếp cận thông tin</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tính minh bạch: tính minh bạch (khả năng tiếp cận) của các tài liệu kế hoạch, các quyết định, nghị định ++</li> <li>• Tính công bằng và sự ổn định trong việc áp dụng các quy định             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vai trò của các "mối quan hệ" để có được các tài liệu kế hoạch của tỉnh</li> <li>- Vai trò của gia đình và bạn bè khi thương lượng với cán bộ Nhà nước</li> <li>- Thông lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh</li> </ul> </li> <li>• Khả năng có thể dự đoán và tính ổn định của các quy định, chính sách             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng có thể dự đoán được của hoạt động thực thi pháp luật của tỉnh</li> <li>- Tỉnh có trao đổi ý kiến với doanh nghiệp về những thay đổi trong các quy định pháp luật hay không</li> </ul> </li> <li>• Tính cởi mở             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá trang web của tỉnh.</li> </ul> </li> </ul>	<p><b>8 Tính năng động và tiên phong của tỉnh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tỉnh triển khai tốt các quy định của Trung ương</li> <li>• Tỉnh sáng tạo và sáng suốt trong việc giải quyết những trở ngại đối với cộng đồng doanh nghiệp</li> <li>• Không có sáng kiến nào ở cấp tỉnh</li> <li>• Tỉnh có sáng kiến tốt nhưng còn nhiều cản trở ở Trung ương</li> </ul>
<p><b>4 Chi phí về thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước (bao gồm cả thanh tra)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Số ngày làm việc với chính quyền địa phương giảm đi sau khi có Luật Doanh nghiệp</li> <li>• % doanh nghiệp sử dụng hơn 10% quỹ thời gian để làm việc với chính quyền</li> <li>• Số các cuộc thanh tra, kiểm tra và tỷ lệ giảm đi sau khi có Luật Doanh nghiệp</li> <li>• Số các cuộc thanh tra thuế và số giờ làm việc với thanh tra thuế.</li> </ul>	<p><b>9 Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các hoạt động cung cấp thông tin thị trường và xúc tiến thương mại.</li> <li>• Thông tin về quy định, thủ tục, v.v...</li> <li>• Thông tin tìm kiếm đối tác kinh doanh, đầu tư cho các nhà sản xuất địa phương</li> <li>• Các dịch vụ đào tạo nghề và đào tạo lao động</li> </ul>
<p><b>5 Chi phí không chính thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các chi phí không chính thức là cản trở chính đối với hoạt động kinh doanh</li> <li>• Các doanh nghiệp cùng ngành có trả các chi phí không chính thức hay không?</li> <li>• % doanh nghiệp tốn hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức</li> <li>• % doanh nghiệp trả tiền hoa hồng</li> <li>• Chi phí không chính thức trả cho thanh tra thuế tính theo % doanh thu.</li> </ul>	<p><b>Chú thích:</b></p> <p>* Từ nguồn dữ liệu "cứng" và "mềm"</p> <p>** Từ nguồn dữ liệu "cứng"</p> <p>++ Kết quả từ phân tích yếu tố</p> <p>Khi tính điểm của từng chỉ số thành phần, các chỉ tiêu chính có trọng số bằng nhau (ví dụ: trong ô thứ nhất về chỉ số thành phần <i>Chi phí gia nhập thị trường</i> ta thấy có chỉ tiêu chính, mỗi chỉ tiêu này có trọng số là 25% khi tính tổng số điểm của chỉ số thành phần này).</p>

# BÁO CÁO VỀ TÁC ĐỘNG CỦA CHỈ SỐ PCI<sup>13</sup>

## Khái quát

Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (gọi tắt là PCI) được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) kết hợp cùng Dự án Nâng cao Năng lực Cạnh tranh Việt Nam (VNCCI), một dự án do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ, xây dựng nhằm mục đích so sánh môi trường kinh doanh giữa các tỉnh ở Việt Nam một cách có phương pháp và hợp lý. Với phạm vi 42 tỉnh, thành trong tổng số 64 tỉnh, thành của cả nước (đóng góp 89% vào GDP cả nước), chỉ số PCI đánh giá và xếp hạng các chính quyền tỉnh căn cứ vào môi trường chính sách dành cho phát triển kinh tế tư nhân của tỉnh.

Kết quả nghiên cứu PCI đã được trình bày tại Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam tháng 6 năm 2005. Kể từ đó đã có thêm nhiều diễn biến mới về sự tiếp nhận của nhiều đối tượng khác nhau như cộng đồng doanh nghiệp, báo chí truyền thông, các tổ chức tài trợ và chính quyền địa phương. Bài viết này tập trung vào một số tác động - và phản ứng - mà PCI mang lại, đặc biệt là sự tiếp nhận tích cực của một số tỉnh mong muốn cải thiện môi trường chính sách của tỉnh để thêm thuận lợi cho doanh nghiệp, và rồi từ đó, cải thiện xếp hạng PCI của tỉnh mình trong những năm tiếp theo.

## Giới thiệu chung

Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI được xây dựng với mục tiêu giúp lý giải nguyên nhân tại sao một số tỉnh thành của đất nước lại có sự phát triển năng động của khu vực tư nhân, tạo việc làm và tăng trưởng kinh tế tốt hơn các tỉnh thành khác. Bằng cách thực hiện điều tra mới đối với doanh nghiệp để tìm hiểu về sự đánh giá của doanh nghiệp đối với môi trường kinh doanh ở địa phương và kết hợp dữ liệu điều tra với các số liệu so sánh thu thập được từ các nguồn chính thức về điều kiện ở địa phương, chỉ số PCI đánh giá các tỉnh theo thang điểm 100. Chỉ số tổng hợp này bao gồm chín chỉ số thành phần, mỗi chỉ số thành phần lý giải khá nhiều sự khác biệt về phát triển kinh tế giữa các tỉnh của Việt Nam.

- Chi phí gia nhập thị trường
- Tiếp cận đất đai
- Tính minh bạch và tiếp cận thông tin
- Chi phí về thời gian để thực hiện các quy định của nhà nước

- Chi phí không chính thức
- Thực hiện chính sách của Trung ương
- Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước
- Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh
- Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân

Nghiên cứu có một số thiết kế quan trọng với mục đích kết quả nghiên cứu này có thể vận dụng được vào việc đổi mới công tác điều hành.

Thứ nhất, bằng việc loại trừ ảnh hưởng của các điều kiện truyền thống ban đầu tới sự tăng trưởng kinh tế (những điều kiện này là các nhân tố cần thiết cho sự tăng trưởng nhưng rất khó hoặc thậm chí không thể đạt được trong thời gian ngắn), kết quả nghiên cứu cho thấy thực tiễn điều hành kinh tế tốt có vai trò quan trọng đối với sự tăng trưởng ở cấp tỉnh và những thực tiễn này còn góp phần lý giải sự khác biệt về phát triển kinh tế giữa các tỉnh. Hoặc tại sao các tỉnh có thể đạt kết quả phát triển kinh tế tương đồng mặc dù điều kiện truyền thống ban đầu của mỗi tỉnh rất khác nhau? Tập trung vận dụng các thực tiễn điều hành tốt sẽ góp phần cải thiện sự phát triển kinh tế mà không nhất thiết phải đòi hỏi có được ngay sự thay đổi to lớn về cơ sở hạ tầng hay con người.

Thứ hai, bằng cách chuẩn hóa điểm theo các thực tiễn tốt nhất đã có ở Việt Nam, chỉ số PCI hướng chính quyền địa phương vào cải thiện cách điều hành của họ, không nhất thiết dựa vào chuẩn mực lý tưởng nào về mô hình điều hành mà có thể căn cứ ngay vào những thực tiễn tốt nhất sẵn có ở các tỉnh bạn, ngay trong cùng một hệ thống chính trị. Mặc dù điểm số các tỉnh, thành hiện dao động từ 39 đến 77 điểm, về lý thuyết, bất cứ tỉnh, thành nào cũng có thể đạt tới điểm tuyệt đối bằng cách áp dụng thực tiễn tốt sẵn có của Việt Nam. Điều đó có nghĩa là không có lý do gì để biện hộ cho sự điều hành yếu kém khi chính quyền của bất cứ tỉnh, thành nào đều có thể tự thay đổi nhằm tạo ra môi trường kinh doanh hấp dẫn ngay tại địa phương mình.

Thứ ba, bằng cách so sánh thực tiễn điều hành kinh tế với thực tế phát triển kinh tế, chỉ số PCI cung cấp các đánh giá ban đầu về tầm quan trọng của thực tiễn điều hành đối với sức thu hút đầu tư và tăng trưởng. Nghiên cứu này là một minh chứng cụ thể về mối tương quan giữa việc điều hành kinh tế thân thiện với doanh nghiệp và sự hưởng ứng từ các doanh nghiệp, đặc biệt quan trọng là với việc nâng

<sup>13</sup> Báo cáo này do Edmund Malesky, Franck Wiebe và David Ray soạn thảo để báo cáo Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam tháng 12 năm 2005.



cao sự thịnh vượng của địa phương. Mỗi quan hệ thứ hai có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì chúng tỏ rằng các chính sách và thực tiễn điều hành kinh tế tốt không chỉ làm lợi cho các doanh nghiệp mà còn làm lợi cho xã hội, bằng chứng là khu vực kinh tế tư nhân năng động sẽ tạo thêm nhiều việc làm, góp phần nâng cao mức sống cho người dân.

### **Chỉ số PCI 2006 và các năm kế tiếp**

Tiếp sau thành công của PCI 2005, Dự án VNCI của USAID và VCCI đều có ý định tiến hành nghiên cứu về PCI trên cơ sở hàng năm. Mục đích là theo dõi những cải thiện trong các chỉ số thành phần chủ chốt và đánh giá những lợi ích thu được từ những cải thiện này.

Năm 2006, PCI sẽ mở rộng phạm vi tính nghiên cứu: ở miền nam sẽ thêm các tỉnh Hậu Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, ở miền trung sẽ thêm các tỉnh Lâm Đồng và Đắk Lắk, ở miền bắc sẽ thêm các tỉnh Lạng Sơn, Lào Cai, Hòa Bình, Bắc Giang, Phú Thọ, Thái Nguyên và có thể cả Lai Châu. Một vài tỉnh trong số này đã từng nằm trong phạm vi nghiên cứu năm 2005 nhưng nhóm nghiên cứu đã buộc phải loại bỏ do các tỉnh này không đạt tỷ lệ phản hồi phiếu điều tra cần thiết. Chúng tôi xin lưu ý rằng việc các tỉnh sẽ thêm như trên có xuất hiện trong bảng xếp hạng mới hay không còn tùy thuộc vào tỷ lệ phản hồi phiếu điều tra của doanh nghiệp ở tỉnh đó. Nguyên tắc xem xét áp dụng trong năm 2005 là mỗi tỉnh phải đạt tối thiểu 25-30 phiếu trả lời nhưng sang năm 2006, VCCI-VNCI hy vọng có thể tăng tỷ lệ này lên thành 40-50 phiếu/tỉnh.

Tất nhiên, mục tiêu đó sẽ đòi hỏi nhiều nỗ lực thu thập phiếu phản hồi hơn trước. Năm 2005, nhóm nghiên cứu nhận và xử lý hơn 2.000 phiếu trả lời. Đây là một kết quả đáng khích lệ và là kết quả của sự cố gắng rất lớn ở cả hai phía VCCI và VNCI. Năm 2006, nhóm nghiên cứu PCI đặt mục tiêu 3.000-4.000 phiếu trả lời ở 50-55 tỉnh thành. Nhóm nghiên cứu PCI hy vọng với việc xếp hạng PCI 2005 cũng như các chỉ số thành phần và ý nghĩa của các chỉ số đối với điều hành kinh tế cấp tỉnh đã được nhiều nơi biết đến, doanh nghiệp sẽ nhiệt tình và sẵn sàng tham gia trả lời trong cuộc điều tra năm 2006.

Chúng tôi cũng đang xem xét nhiều biện pháp khác để nâng cao tỷ lệ phản hồi năm 2006, chẳng hạn như rút gọn phiếu câu hỏi, cải tiến phương pháp phát phiếu điều tra, v.v. Tuy nhiên, chúng tôi xin được lưu ý rằng dù chúng tôi sẽ cố gắng hết sức để tăng thêm tỷ lệ phản hồi cho năm 2006, phương pháp luận nghiên cứu và xây dựng PCI sẽ không thay đổi. Thực tế, trong năm 2005, nhóm nghiên cứu PCI đã có điều kiện tăng tỷ lệ phản hồi nhờ áp dụng nhiều biện pháp khác nhau nhưng cũng vì thế mà dẫn đến một số loại chệch trong mẫu nghiên cứu. Ở từng bước xây dựng

và tính toán chỉ số PCI, nhóm nghiên cứu sẽ thận trọng tối đa để đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy và sự nhất quán cho kết quả.

Ngoài việc mở rộng số tỉnh nghiên cứu và cải thiện tỷ lệ phản hồi, nhóm nghiên cứu PCI cũng dự kiến cải thiện chỉ số thành phần và các chỉ tiêu cấu tạo nên từng chỉ số. Việt Nam là đất nước có nền kinh tế rất năng động và môi trường kinh doanh không ngừng thay đổi. Vì lý do đó, chỉ số PCI sẽ tiếp tục cải tiến qua các năm để phản ánh được những chuyển biến của môi trường kinh doanh. Tuy vậy, bất cứ sự điều chỉnh PCI nào cũng sẽ được xem xét và thực hiện thận trọng để đảm bảo có thể theo dõi sự biến chuyển của các chỉ số thành phần và chỉ tiêu của PCI theo thời gian.

Lẽ tất nhiên, ý nghĩa giải thích của một số chỉ tiêu sẽ thay đổi theo thời gian, do những cải thiện trong môi trường chính sách sẽ làm giảm sự khác biệt giữa các tỉnh. Một số chỉ tiêu chủ chốt khác cũng mất dần ý nghĩa cùng với những thay đổi trong chính sách của chính quyền Trung ương, ví dụ như việc thông qua Luật Doanh nghiệp (thống nhất) và Luật Đầu tư (chung). Mặt khác, cũng cần bổ sung một số chỉ tiêu khác do có thể có một số vấn đề phức tạp và mới nảy sinh trong nền kinh tế Việt Nam. Bằng chứng cụ thể nhất là những cải thiện trong môi trường pháp lý và lòng tin của các công ty tư nhân đối với môi trường thể chế ở tỉnh. Một số câu hỏi điều tra liên quan đến vấn đề tiếp cận đất đai, mặt bằng và sự đảm bảo về quyền tài sản cũng có thể được đề cập trong thời gian tới.

### **Tác động của chỉ số PCI 2005**

Đối với các cán bộ lãnh đạo ở tỉnh, cơ sở dữ liệu PCI và các phân tích về PCI có thể là nguồn tham khảo hữu ích và phong phú. Các số liệu đã thu thập được chia sẻ nhằm phục vụ công tác chuẩn đoán để phát hiện những trở ngại đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh, từ đó đề xuất các giải pháp khắc phục. Các tỉnh có thể tận dụng các thước đo của PCI về điều kiện truyền thống để tự so sánh với các địa phương có cùng trình độ phát triển và điều kiện truyền thống nhưng đã đạt kết quả khả quan hơn trong công tác quản lý và điều hành. Ví dụ, chính quyền ở tỉnh Quảng Ngãi có thể học hỏi kinh nghiệm xây dựng chính sách phù hợp với điều kiện truyền thống từ tỉnh láng giềng Bình Định.

Nhóm nghiên cứu PCI cũng sẵn sàng thực hiện các hoạt động phân tích và chẩn đoán nếu chính quyền tỉnh có yêu cầu. Cho tới thời điểm này một số tỉnh đã có những động thái rất tích cực ngay sau khi kết quả nghiên cứu về PCI được công bố. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Tiền Giang, Vĩnh Long, Vĩnh Phúc và Bắc Ninh đã tổ chức hội thảo về chỉ số PCI với nhóm nghiên cứu PCI. Nội dung thảo luận tại hội thảo là

chi tiết chỉ số PCI của tỉnh đó và dự kiến chương trình hành động nhằm nâng cao chỉ số PCI trong tương lai. (Xem phần trình bày sau đây về hội thảo chẩn đoán và tác động sau hội thảo). Như sẽ được trình bày cụ thể dưới đây, Hà Tây thì thông qua riêng một nghị quyết trong đó có nêu chi tiết dự định của tỉnh để thực hiện lời hứa cải thiện môi trường đầu tư cho khu vực kinh tế tư nhân. Thúc đẩy các nỗ lực như trên ở tất cả các tỉnh là mục tiêu lớn nhất của nhóm nghiên cứu và nhóm cũng cảm thấy được khích lệ rất nhiều khi biết các tỉnh đã có những phản ứng tích cực khẩn trương như vậy.

Sau khi kết quả nghiên cứu về PCI được công bố vào tháng 5 năm 2005, nhóm nghiên cứu còn nhận thấy một số kết quả quan trọng nữa và chắc chắn những kết quả này sẽ góp phần cải thiện PCI trong tương lai:

Thứ nhất là vai trò của giới truyền thông ở Việt Nam trong việc công bố kết quả điều tra, thu nhận các ý kiến đóng góp xây dựng đối với phương pháp lựa chọn chỉ tiêu điều tra, và đưa ra các phân tích về những khác biệt trong chính sách ở các tỉnh có kết quả PCI khác nhau. Phạm vi đưa tin của báo chí truyền thông rất đáng kể (xem danh sách báo chí truyền thông đưa tin tại trang web của Dự án VNCI: [www.vnci.org](http://www.vnci.org)). Tính đến tháng 11 năm 2005, nhóm nghiên cứu thống kê đã có 88 bài trên báo chí, trong đó có những bài viết chuyên đề trên báo và tạp chí dành nhiều trang phân tích, nhiều bản tin trên truyền hình và thậm chí đăng trên trang nhất của tờ Thời báo Kinh tế Sài Gòn.<sup>14</sup> Giờ đây việc báo chí đưa tin về một tỉnh cụ thể nào đó, về thứ hạng PCI của tỉnh này và sử dụng chỉ số này làm thước đo đánh giá hoạt động của tỉnh, không còn là chuyện hiếm có nữa. Khi báo chí đã đảm nhận vai trò quan sát - tìm hiểu kỹ lưỡng xem môi trường kinh doanh ở tỉnh thay đổi như thế nào và ở đâu doanh nghiệp đang bị tổn thương vì những chính sách của tỉnh, hoặc các tỉnh khác đã cải thiện thành công môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp tư nhân ở phương diện nào, báo chí đã góp phần nâng cao tác động của PCI. Qua đó, nhóm nghiên cứu cũng hiểu thêm về các vấn đề mà doanh nghiệp tư nhân gặp phải và lựa chọn chỉ tiêu điều tra ngày càng phù hợp hơn.

Thứ hai là thái độ nhìn chung đều tích cực của các doanh nghiệp và các hiệp hội doanh nghiệp về bản thân cuộc điều tra PCI. Ở các cuộc thảo luận sau khi kết quả PCI được công bố, nhiều doanh nghiệp đã gợi ý bổ sung một số chỉ tiêu điều tra trong tương lai. Việc các doanh nghiệp sẵn lòng trả lời những câu hỏi nhạy cảm về bản thân và chính quyền tỉnh là lý do duy nhất làm nên thành công của cuộc điều tra. Nhóm nghiên cứu tin tưởng rằng sự quan tâm mà các doanh nghiệp đã dành cho cuộc điều tra sẽ giúp

nâng cao hơn nữa tỷ lệ phản hồi trong tương lai và qua đó, cho phép chúng ta có được những thước đo chính xác hơn trong cuộc điều tra năm 2006.

Thứ ba là sự đón nhận PCI của cộng đồng các tổ chức tài trợ ở Việt Nam. Sau những thành công gần đây về đổi mới hệ thống pháp luật kinh doanh cấp quốc gia (như Luật đầu tư chung, Luật doanh nghiệp thống nhất, Luật cạnh tranh, Luật phá sản, v.v.), chất lượng triển khai thực hiện ở cấp tỉnh những luật mới này cũng như nhiều luật khác như thế nào đang ngày càng trở thành tâm điểm chú ý. Có lẽ chúng ta không mấy ngạc nhiên khi có nhiều tổ chức tài trợ đang bắt đầu thiết kế và triển khai các chương trình hoạt động hướng vào cải thiện chất lượng điều hành kinh tế cấp tỉnh. Ta có thể kể ra đây tên một số tổ chức đó là DANIDA, IFC-MPDF, GTZ, EU và SNV. Việc công bố PCI rất kịp thời vì nhiều tổ chức tài trợ có thể sử dụng chỉ số và dữ liệu PCI để làm tiêu chuẩn theo dõi chất lượng điều hành kinh tế ở các tỉnh mà họ đang và sẽ hoạt động, để nhận diện những khía cạnh cạnh nào trong môi trường kinh doanh của tỉnh cần chú ý cải thiện hơn nữa.

Hỗ trợ Chương trình Phát triển Doanh nghiệp (BSPS) của DANIDA là một ví dụ sinh động về việc một nhà tài trợ đã lồng ghép hiệu quả PCI vào kế hoạch hoạt động của họ như thế nào. Trong mục Mô hình Theo dõi và Đánh giá, BSPS đã ghi Hợp phần Môi trường Kinh doanh cấp tỉnh có thể:

.....được theo dõi và đánh giá trực tiếp bằng công cụ Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh mà Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Dự án Nâng cao Năng lực Cạnh tranh Việt Nam (VNCI) đã xây dựng.

Văn kiện dự án này còn ghi nhận PCI cung cấp điểm xuất phát quan trọng để xây dựng chương trình hoạt động cấp tỉnh:

Ở bước tư vấn này, các chính quyền cấp tỉnh được tham khảo ý kiến (Khánh Hòa và Hà Tây) đều chuyển một thông điệp rất rõ ràng là họ rất quan tâm cải thiện điểm số PCI của tỉnh mình. Ở cả hai tỉnh này, cuộc họp ban lãnh đạo của UBND và Sở Kế hoạch Đầu tư, không lâu sau khi chỉ số PCI được công bố, đều bình luận đến thứ hạng của tỉnh và các phương diện của môi trường kinh doanh cần cải thiện. Việc chính quyền tỉnh bày tỏ sự quan tâm lớn đến chỉ số, cơ sở dữ liệu chắc chắn của chỉ số và phương pháp nghiên cứu khoa học của chỉ số đã dẫn đến việc quyết định chọn chỉ số này làm tiêu chí đánh giá cho Hợp phần này.

Những tổ chức tài trợ khác cũng đã và đang hợp tác

<sup>14</sup> Nhóm nghiên cứu làm việc ở Hà Nội nên không có đủ điều kiện theo dõi hết tin bài trên báo chí địa phương, vì vậy, chúng tôi tin rằng trên thực tế con số có thể nhiều hơn 88 bài đã liệt kê trong báo cáo này.

cùng VNCI-VCCI để ứng dụng PCI vào chương trình hoạt động cấp tỉnh của họ. Ví dụ:

- MPDF đã và đang phối hợp chặt chẽ với VNCI để tổ chức một số hội thảo chẩn đoán PCI. Mục đích của những cuộc hội thảo này là cùng hợp tác với Ủy ban nhân dân tỉnh nhận diện những lĩnh vực cần được quan tâm và MPDF có thể hỗ trợ trực tiếp. Hội thảo đầu tiên đã được tổ chức ở UBND tỉnh Bắc Ninh ngày 22 tháng 9 năm 2005. Các hội thảo phối hợp khác với MPDF dự kiến sẽ là Thái Bình và Bình Định trong tháng 12 năm 2005.
- Tương tự như vậy, GTZ dự định sử dụng PCI làm công cụ hỗ trợ các tỉnh phát hiện những mặt còn cần được cải thiện trong môi trường kinh doanh của tỉnh. VNCI và GTZ đang cùng phối hợp để tổ chức một hội thảo chẩn đoán PCI ở Quảng Nam vào ngày 9 tháng 12 năm 2005.
- VNCI cũng đang dự kiến phối hợp cùng Dự án Hỗ trợ Khu vực Tư nhân của EU và Dự án SNV để tổ chức hội thảo chẩn đoán PCI cho những tỉnh mà các Dự án này đang hoạt động.

#### **Chẩn đoán PCI của tỉnh và tác động từ chẩn đoán**

Không lâu sau khi PCI được công bố, nhiều tỉnh đã liên hệ với VCCI và VNCI để tìm hiểu thêm thông tin về phương pháp luận cũng như kết quả nghiên cứu PCI. Nhiều ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã đề xuất mời nhóm nghiên cứu PCI đến trao đổi và có buổi làm việc kỹ hơn về PCI tại tỉnh của họ. Tỉnh đầu tiên là An Giang, một tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Nhận lời mời của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, nhóm nghiên cứu PCI đã đến thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ngày 25 tháng 6 năm 2005, tức là chưa đầy một tháng sau khi công bố PCI.

An Giang có vị trí tương đối thấp trong bảng xếp hạng. Vì vậy, nhóm nghiên cứu thoát đầu đã băn khoăn về phản ứng có thể là bảo thủ của tỉnh. Thế nhưng, ngay khi nhóm nghiên cứu PCI đến tỉnh, nhóm nghiên cứu đã nhận thấy rõ tinh thần muốn tìm hiểu càng nhiều càng tốt của các vị lãnh đạo và quan chức cao cấp của tỉnh An Giang về cách làm thế nào để không ngừng cải thiện chỉ số PCI của tỉnh An Giang trong những năm tiếp theo. Hội thảo về Chỉ số Năng lực Cạnh tranh tỉnh An Giang do chủ tịch tỉnh chủ trì, với sự tham dự của hơn 130 đại diện các cơ quan nhà nước ở tỉnh, trong đó có giám đốc các sở của tỉnh. Sự đón nhận của các đại biểu tham dự hội thảo nhìn chung đều tích cực. Họ có một số thắc mắc về phương pháp luận PCI nhưng không hề có thái độ bảo thủ trước kết quả đánh giá của VNCI-VCCI về chất lượng điều hành kinh tế ở An Giang. Nhiều đại biểu thay nhau đứng dậy phát biểu và chia sẻ sự đồng tình với kết quả phân tích chẩn đoán về tỉnh cũng như đề xuất cách thức cải thiện môi trường kinh doanh của tỉnh. Càng về sau, có nhiều đại biểu

hướng câu hỏi và ý kiến của mình sang nhiều đại biểu khác thay vì nhóm nghiên cứu PCI. Đúng như mong muốn ban đầu của chúng tôi, PCI đã đóng vai trò như một tác nhân kích thích nhu cầu đổi mới môi trường kinh doanh.

Tại hội thảo, Phó Chủ tịch UBND tỉnh An Giang đã cho biết về cam kết gần đây của tỉnh quyết tâm thúc đẩy quá trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, tiến tới giảm số lượng doanh nghiệp nhà nước từ 34 xuống còn 4. Nếu đạt được mục tiêu này, An Giang sẽ cải thiện điểm chỉ số Ưu đãi DNNN tốt hơn. Chúng tôi muốn kể thêm nhiều cố gắng khác của tỉnh như sau:

- Đầu tháng 9 năm 2005, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, thể hiện quyết tâm thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân.
- Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2864/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2005 về việc thành lập tổ công tác giúp việc UBND tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư tỉnh An Giang. Thành phần tổ công tác bao gồm lãnh đạo các Sở, ngành: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Du lịch. Tổ này nhằm mục đích theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các Sở, ngành địa phương và nghiên cứu, đề xuất các biện pháp cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh.

Dưới đây là một số công việc khác mà tỉnh An Giang đã làm trong thời gian gần đây:

- Tiếp tục triển khai việc sắp xếp đổi mới doanh nghiệp nhà nước để thực hiện quyết tâm giảm dần số doanh nghiệp nhà nước như đã đề cập ở phần trên.
- UBND tỉnh đã có trang web tại địa chỉ <http://www.angiang.gov.vn> và đang củng cố lại trang web của tỉnh nhằm cải thiện hơn nữa chất lượng thông tin liên quan đến hoạt động đầu tư.
- Đã thành lập đường dây nóng để doanh nghiệp liên hệ, phản ánh vướng mắc. Công bố công khai trên báo, đài địa phương các số điện thoại của lãnh đạo tỉnh.
- Cải tiến công tác đăng ký kinh doanh, trong đó phải kể đến việc ban hành hướng dẫn, điều lệ mẫu cho các doanh nghiệp khi mới gia nhập thị trường.

Hội thảo chẩn đoán thứ hai diễn ra tại Tiền Giang vào cuối tháng 7 năm 2005. Tương tự như hội thảo tại tỉnh An Giang, hội thảo tại tỉnh Tiền Giang cũng do Chủ tịch UBND chủ trì với sự tham dự của nhiều quan chức địa phương. Sự tiếp thu, đón nhận kết quả nghiên cứu tích cực và trên tinh thần xây dựng. Để

góp phần cải thiện chỉ số PCI của tỉnh mình, UBND tỉnh đã có những kế hoạch ban đầu như sau:

- Cải thiện tính minh bạch: Cải thiện chất lượng trang web của tỉnh bằng cách đăng tải các văn bản chính sách, quy định, quy trình thủ tục kinh doanh cũng như nhiều chính sách hữu quan khác
  - Cải thiện chi phí gia nhập thị trường: Áp dụng mô hình một cửa trong cấp phép kinh doanh để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.
  - Cải thiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân: UBND tỉnh đã giao cho Sở Tài chính và Sở Kế hoạch Đầu tư rà soát lại các quy định, chính sách về đầu tư của tỉnh và ban hành những văn bản hỗ trợ đầu tư mới, cần thiết cho các doanh nghiệp ở trong và ngoài khu công nghiệp.
- Khảo sát các vấn đề về thủ tục hành chính, trong đó có các quy định về báo cáo, thủ tục thành lập doanh nghiệp (từ đó góp phần cải thiện chỉ số Chi phí thời gian và Chi phí gia nhập thị trường).
  - Khảo sát các vấn đề về công khai minh bạch thông tin liên quan đến các chính sách, quy định, quy trình thủ tục của tỉnh (từ đó góp phần cải thiện chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin).
  - Tìm hiểu và đề xuất biện pháp thúc đẩy quá trình chuyển đổi thành doanh nghiệp của thành phần hộ kinh doanh hiện vẫn tồn tại phổ biến ở tỉnh, đặc biệt là ở các làng nghề.
  - Nâng cao nhận thức cho đội ngũ lãnh đạo của tỉnh về ý nghĩa và tầm quan trọng của chất lượng điều hành kinh tế thông qua hình thức tổ chức hội thảo và các khóa đào tạo.

UBND tỉnh Tiền Giang cũng mong muốn không ngừng cải thiện kênh đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp. Trong hai năm qua, UBND tỉnh và các sở định kỳ sáu tháng một lần tổ chức tiếp xúc, gặp gỡ với các nhà đầu tư và doanh nghiệp. Tiếp sau cuộc hội thảo chẩn đoán PCI, UBND tỉnh sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng các cuộc gặp đó.

Như đã trình bày ở trên, nhóm nghiên cứu PCI đã và đang cộng tác với nhiều tổ chức tài trợ khác để tổ chức hội thảo chẩn đoán chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh ở các tỉnh thuộc chương trình hoạt động của các tổ chức đó. Hội thảo phối hợp đầu tiên đã diễn ra tại Bắc Ninh vào cuối tháng 9 năm 2005, đây là hội thảo phối hợp với Chương trình MPDF của IFC. Hội thảo do Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh chủ trì và các quan chức địa phương tới tham dự.

Sau hội thảo chẩn đoán PCI ở Bắc Ninh, UBND tỉnh Bắc Ninh dự kiến sẽ thực hiện những công việc sau với sự hỗ trợ của Chương trình MPDF của IFC:

### Tác động của chỉ số PCI: Câu chuyện về Hà Tây

Điều không may ở bất kỳ hình thức xếp hạng nào tương tự như thế này là sẽ luôn có một số tỉnh xếp sau những tỉnh khác và sẽ có một tỉnh xếp cuối. Người ta thường nhắc đến Hà Tây là nơi có môi trường kinh doanh chưa thực sự hấp dẫn nhưng Hà Tây xếp ở cuối bảng xếp hạng đúng là một điều giật mình. Tỉnh Hà Tây nằm về phía nam Hà Nội. Đa số dân sống ở vùng nông thôn (94% dân số), con số này dễ gây ấn tượng sai lầm khi đánh giá về sự năng động kinh doanh ở tỉnh. Ở Hà Tây tập trung khoảng hơn 200 làng nghề truyền thống, điều đó nói lên cơ cấu phát triển ở đây cũng năng động nhưng có phần khác với thông thường. Một dẫn chứng là thành phần kinh tế này đã đạt mức tăng vọt 17% về tổng doanh thu trong năm 2004.

#### Trích đoạn phỏng vấn Bí thư Tỉnh ủy Hà Tây

".....chúng tôi đều tự nhận xét mình là môi trường đầu tư của tỉnh còn chưa hấp dẫn, vì nếu so sánh với các tỉnh trong khu vực thì sức thu hút đầu tư đối với Hà Tây cả về số lượng, cả về chất lượng, cả về quy mô đều có sự thua kém so với các tỉnh bạn, mặc dù so sánh về lợi thế, Hà Tây có những mặt hơn các tỉnh bạn.

Nhưng sau khi VCCI phối hợp với VNCI công bố xếp hạng Hà Tây xếp thứ 42/42 tỉnh, thành phố về năng lực cạnh tranh thì chúng tôi có nhiều suy nghĩ, bởi vì chúng tôi cho rằng Hà Tây tuy môi trường đầu tư tuy có kém nhưng không nghĩ rằng lại được xếp hạng thấp như vậy.

Điều đáng suy nghĩ nữa là sau khi công bố xếp hạng như vậy, các cơ quan tuyên truyền, báo chí đưa nhiều tin bài về việc này đã có tác động đến tư tưởng tình cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh. Từ đó chúng tôi nghĩ rằng đây cũng là dịp để chúng tôi tự nhìn nhận, đánh giá lại mình một cách thấu đáo hơn nữa, nghiêm túc hơn nữa để có những giải pháp khắc phục những mặt yếu kém và có những chủ trương và giải pháp nhằm cải cách, gỡ bỏ những rào cản gia nhập thị trường, tăng cường tính minh bạch, khuyến khích các ngành, các cấp năng động hơn, linh hoạt hơn về lĩnh vực thu hút đầu tư."

Hà Văn Hiến, Bí thư Tỉnh ủy Hà Tây  
Thời báo Kinh tế Việt Nam, số 142, ngày 19 tháng 7 năm 2005  
"Hà Tây cải thiện môi trường đầu tư"



Nhưng chỉ số PCI là chỉ số đo lường, đánh giá xem chính quyền các tỉnh có tạo thuận lợi để khai thác và sử dụng tối ưu các nguồn lực trên địa bàn của mình hay không. Có những việc chính quyền tỉnh có thể thực hiện tốt để làm cho môi trường kinh doanh của tỉnh năng động hơn; cũng có những việc chính quyền tỉnh có thể thực hiện không tốt dẫn đến giảm sút sức thu hút của địa phương đối với hoạt động kinh doanh. Ở đây, chỉ số PCI cho thấy trong phạm vi nguồn lực của mình, Hà Tây hoạt động ít hiệu quả nhất.

Số liệu PCI cho thấy tất cả các tỉnh đều có những điểm mạnh, điểm yếu. Xếp hạng của Hà Tây cho thấy Hà Tây đạt điểm thấp ở hầu hết mọi phương diện. Trong chín chỉ số thành phần, Hà Tây vượt qua tỉnh đứng giữa (xếp thứ 16) chỉ ở một chỉ số - chi phí không chính thức. Hà Tây nằm trong nhóm cuối bảng (từ thứ 34 trở xuống) ở bảy chỉ số, trong đó đã có cả năm chỉ số có trọng số cao nhất, chiếm gần 75% điểm của chỉ số tổng hợp PCI. Cụ thể hơn, Hà Tây xếp cuối cùng ở hai chỉ số (tính năng động và đất đai, mặt bằng), là một trong ba tỉnh đứng cuối cùng ở hai chỉ số khác (chi phí gia nhập thị trường và ưu đãi doanh nghiệp nhà nước). Mặc dù việc xếp hạng theo chỉ số tổng hợp PCI đã lưu ý khoảng cách về điểm giữa các thứ hạng chỉ rất nhỏ, nhưng việc Hà Tây đạt kết quả thấp ở đồng loạt nhiều chỉ tiêu khiến ít ai có thể hoài nghi về tình hình điều hành kinh tế còn yếu ở tỉnh này.

### ***Phản ứng của Hà Tây***

Mặc dù kết quả mà PCI đo lường vừa qua về Hà Tây đã tạo nhiều sự chú ý nhưng điều đáng quan tâm hơn chính là phản ứng chính thức của tỉnh Hà Tây trước kết quả nghiên cứu. Ở Việt Nam, Đảng là người lãnh đạo, định hướng chính sách; Nhà nước (mà đại diện là Ủy ban Nhân dân) là người thực hiện những đường lối chủ trương chính sách đó. Cách tiếp nhận của tỉnh Hà Tây về chỉ số PCI là một ví dụ tuyệt vời về cải cách điều hành kinh tế đang diễn ra.

Ngày 4 tháng 6 năm 2005, chỉ mười ngày sau khi chỉ số PCI được công bố chính thức, Tỉnh ủy Hà Tây đã thông qua Nghị quyết 14-NQ/TU. Nghị quyết này đề cập cụ thể đến cuộc nghiên cứu PCI mà VCCI và VNCI thực hiện và nêu rõ vị trí xếp hạng cuối cùng của tỉnh. Nghị quyết đã nêu lên quyết định của Tỉnh ủy:

"tổ chức đợt sinh hoạt ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh kiểm điểm làm rõ những mặt hạn chế, thiếu sót trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; những quy định, thủ tục hành chính không phù hợp làm xấu đi môi trường đầu tư và sản xuất..."

Sau đó bốn ngày, để thực hiện có hiệu quả Nghị

quyết, Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tây đã triệu họp ngày 8 tháng 6 năm 2005. Hội nghị nhằm phổ biến kế hoạch tổ chức thực hiện cho các cơ quan, ban, ngành của tỉnh, trong đó có Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, cũng như ủy ban nhân dân cấp dưới - huyện, xã. Nghị quyết ra ngày 4 tháng 6 thể hiện cam kết và quyết tâm đổi mới của Hà Tây, còn hội nghị ngày 8 tháng 6 chính là thông báo tổ chức thực hiện tới từng cơ quan, ban, ngành hữu quan. Những quyết tâm đó đã nhanh chóng mang lại kết quả bước đầu.

Chỉ chưa đầy hai tháng sau khi được yêu cầu rà soát các văn bản quy định, chính sách căn cứ vào các tiêu chí của PCI, UBND tỉnh Hà Tây đã tổ chức hội nghị gặp doanh nghiệp với sự tham dự của gần 200 đại diện các doanh nghiệp ở địa phương, cơ quan nhà nước và báo chí. Hội nghị công bố báo cáo đánh giá của UBND tỉnh Hà Tây về thực trạng và các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của Hà Tây cũng như thời gian biểu dự kiến tổ chức thực hiện.

Bản báo cáo nêu cụ thể các mặt còn thiếu sót, trong đó có những nội dung liên quan đến quản lý khu công nghiệp, thu hồi đất, cho thuê đất. Sự cụ thể hóa như vậy sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình giám sát việc thực hiện đổi mới. Ngoài ra, một số thay đổi đã được hoàn thành và thông báo tại Hội nghị:

Hàng tuần, vào thứ sáu, chủ tịch UBND tỉnh bố trí lịch tiếp doanh nghiệp có nhu cầu gặp.

Thêm kênh tiếp nhận thông tin phản ánh của công chúng đã được thiết lập và đi vào hoạt động, trong đó có đường dây nóng và hòm thư góp ý đặt tại cổng thường trực, Văn phòng UBND tỉnh.

Quy định mới đã được ban hành theo đó các thông tin liên quan đến đầu tư phải được công bố công khai.

Dự kiến tổ chức gặp mặt định kỳ sáu tháng một lần với các nhà đầu tư.

Những động thái ban đầu này là minh chứng quan trọng cho khả năng tiếp thu và hành động để thay đổi của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tây. Hơn thế nữa, còn một thông điệp khác rất đáng hoan nghênh tại hội nghị gặp mặt các doanh nghiệp ngày 5 tháng 8, đó là cam kết dứt khoát của chính quyền tỉnh sẽ thực hiện một loạt những đổi mới nghiêm túc, trong đó có:

- Thực hiện cơ chế một cửa cho các nhà đầu tư.
- Tổ chức hội nghị xúc tiến và kêu gọi đầu tư vào tỉnh trước mà chậm nhất là trong quý I năm 2006; và quan trọng nhất.
- Tiếp tục tích cực rà soát để bãi bỏ hoặc sửa đổi những chính sách hiện nay và ban hành chính

sách quy định mới nếu thấy cần thiết, cam kết đến tháng 12 năm 2005 sẽ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết đánh giá tình hình thực hiện.

### ***Kết luận***

Những hành động tích cực của Hà Tây kể từ sau khi chỉ số PCI được công bố có hai ý nghĩa hết sức quan trọng. Thứ nhất và rõ ràng nhất là việc các cán bộ lãnh đạo và các cơ quan quản lý nhà nước của Hà Tây công khai, thẳng thắn phối hợp vận dụng thông tin mới thu thập từ kết quả nghiên cứu vào xây dựng chương trình hành động để đổi mới. Nhiều động thái bước đầu này có mối quan hệ trực tiếp tới những vấn đề cụ thể mà cuộc nghiên cứu PCI đã chỉ ra. Kế hoạch hành động trong thời gian tiếp theo cũng đã sử dụng PCI làm một công cụ phân tích chẩn đoán. Ý nghĩa thứ hai là tinh thần tiếp thu rộng rãi yêu cầu phải đổi mới ở khắp các cơ quan, ban, ngành hữu quan. PCI cho thấy nhiều thay đổi về nội dung nếu làm một cách miến cưỡng sẽ không đem lại tác động tích cực cho môi trường kinh doanh. Một ví dụ là chính sách "một cửa" thường không đạt đến điều gì khác ngoài việc thiết lập "thêm một cửa" cho doanh nghiệp. Ở Hà Tây, phản ứng tích cực đối với PCI và dư luận xã hội là minh chứng sinh động cho ý chí đổi mới văn bản pháp lý và ý thức, trách nhiệm, hành vi. Mặc dù việc thực hiện đổi mới luôn có thể gặp nhiều khó khăn khi thực sự triển khai ở các cấp song việc rà soát thường xuyên, có tổ chức và công khai kể từ khi chỉ số PCI được công bố đã đem đến những công cụ mới trong việc giám sát triển khai kế hoạch thực hiện đổi mới. Những công cụ này tuy không thể đảm bảo rằng mọi thay đổi cần thiết sẽ được thực hiện thành công nhưng hàm ý tới các nhà lãnh đạo của tỉnh Hà Tây rằng họ sẽ không còn cảm thấy ngạc nhiên về kết quả xếp hạng của Hà Tây nữa khi PCI của năm tiếp theo được thực hiện và công bố.



development alternatives inc.



**The Asia Foundation**

Development Alternatives, Inc (DAI) is a global consulting firm providing social and economic development solutions to governments, communities, and companies with projects in developing and transitioning countries. Founded in 1970 and headquartered in the Washington, DC area. DAI now includes companies in Brazil, South Africa, Palestine, and the United Kingdom. DAI's 1,600 employees work in 75 countries. Clients include global development agencies, international lending institutions, global corporations, and host country governments.

The Asia Foundation is a non-profit, non-governmental organization committed to the development of a peaceful, prosperous, and open Asia-Pacific region. The Foundation supports programs in Asia that help improve governance and law, economic reform and development, women's participation, and international relations. Drawing on 50 years of experience in Asia, the Foundation collaborates with private and public partners to support leadership and institutional development, exchanges, and policy research. With a network of 17 offices throughout Asia, an office in Washington, D C., and its headquarters in San Francisco, the Foundation addresses these issues on both a country and regional level.

\*\*\*\*\*

Nếu quý vị  
cần thêm thông tin về chỉ số PCI,  
cần thêm thông tin phân tích chẩn đoán chi tiết về chỉ số PCI của tỉnh mình,  
cần hỗ trợ của Dự án để tìm giải pháp nâng cao chỉ số PCI của tỉnh mình,

Rất mong quý vị liên lạc với Dự án VNCI theo địa chỉ sau:

Huỳnh Mai Hương  
Dự án Nâng cao Năng lực Cạnh tranh Việt Nam  
Tầng 15, Số 53 Quang Trung, Hà Nội  
Tel: 04-943 8163 (Máy lẻ: 223)  
Fax: 04-943 8160  
Email: huong@vnici.org



